



## Một Chút Hiện Sinh

Nguyễn Duy Vũ

“...Đức tin tôn giáo thường là một an nghỉ: những tín đồ tự coi mình nắm được chân lý tuyệt đối. Nhưng khi ai muốn tìm hiểu về Thượng đế thì họ tỏ ra kiêu căng làm tôi thấy buồn chán, không thể đối thoại với họ được. Họ chỉ lặp đi lặp lại mấy giáo điều như những công thức nhưng không lưu tâm đến những thắc mắc tôi...” (Karl Jaspers - *La foi philosophique devant la révélation*).

Những hè được về thăm nhà, la cà vào các tiệm sách tôi thấy quảng cáo la liệt các sách triết hiện sinh. Hình ảnh và tên các tác giả như *Nietzsche, J.P. Sartre, A. Camus* ... và đặc biệt, nữ văn sĩ Pháp *Simone de Beauvoir* được trưng bày trên các kệ sách chính của cửa hàng. Trở lại trường, có dịp tôi thắc mắc hỏi nhưng được nghiêm khắc bảo rằng, triết học hiện sinh có thể nguy hiểm và xấu nữa. Nguy hiểm ở chỗ nào và xấu ở chỗ nào đạo đó tôi chưa được giải thích.

Sau 30 tháng 4, ba tôi bị đưa ra Bắc cải tạo, gia đình tôi bán cà phê để sinh nhai. Thành thạo tôi thấy trước nhà xuất hiện một gã khùng ăn mặc rất kỳ quái. Gã thường bị những đứa trẻ chạy theo sau chọc ghẹo ném đá vào người, trông rất thê thảm. Hàng xóm bảo tôi gã ấy trước là một thi sĩ rất nổi tiếng ở miền Nam, *Bùi Giáng*.

Một tối khuya vắng khách, chúng tôi mời *Bùi Giáng* ly cà phê và hỏi thăm. Từ hình dáng của một gã khùng, *Bùi Giáng* bỗng đứng xuất thần, thao thao bất tuyệt nói về truyện *Kiều*. Ông tự hào cho rằng tư tưởng *Heidegger* theo sau *Nguyễn Du* của Việt Nam và các tác giả hiện sinh thời ấy, như *Sartre* kêu gọi quần chúng ý thức những oan trái phận con người để đồng cảm những giá trị nhân sinh, Chủ nghĩa nhân bản, đều theo sau *Nguyễn Du* của Việt Nam. *Bùi Giáng* khẳng khái bảo tôi, Truyện *Kiều* chúng ta đã đi trước *J.P. Sartre* gần 150 năm nay. *Bùi Giáng* giả vờ hay khùng thật?

Trong phạm vi rất giới hạn, tôi xin trình bày cái nhìn riêng tôi qua ba đề chính. Đầu tiên, giới thiệu vắn tắt nội dung và nguồn gốc thuyết hiện sinh. Kế đến, thuyết này đã được quảng bá trong nền văn học miền Nam Việt Nam trước 1975. Sau cùng, tôi hiểu gì về những phản ứng thần học Ki-tô giáo trước triết hiện sinh, đặc biệt Công đồng Vatican II và tiếp sau, các thần học gia nổi tiếng mà theo tôi, tích cực bước sang một khúc rẽ quan trọng.

### **Hiện Sinh và Tư tưởng Văn học miền Nam Việt Nam**

Lời diễn giải của *Bùi Giáng* về truyện *Kiều* tuy không bình luận nơi đây nhưng ông cho tôi thấy văn học miền Nam vào khoảng thập niên 1960 đã làm quen với phong trào hiện sinh. Trong tác phẩm “*Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại*”<sup>1</sup>, *Bùi Giáng* đã trình bày những nhận định sâu sắc, rai rác như sau:

“*Cái khát vọng miên man của Faulkner là tìm về với cái thời gian viên mãn*”. “Từ đó, *Faulkner* muốn rằng tất cả những điên đảo, âm u, quỷ loạn trong tác phẩm của mình (“*The sound and the fury*” – Âm thanh và cuồng nộ) phải hé mở một ảnh tượng bát ngát của Thiên Đường. Cái Métaphysique (siêu hình học) của ông còn hoài mong cái éthique (đạo đức) trong viễn tượng một cái Ontologie (bản thể học) gắn gũi với hình

<sup>1</sup> *Bùi Giáng, Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại*, Nhà xuất bản Vĩnh Phước, 1963.

nhi thượng Khổng, cái đạo của Lão Trang, cái nụ cười bất tuyệt của Phật pha cái hải hùng tê buốt của Pascal.” (trang 419-420)

“Camus đã sống với thời đại, hiểu trọn vẹn bi kịch của thời đại, thừa sáng suốt để nhận ra những điểm “sơ hở” cần thiết của Nietzsche, những tori mãnh liệt của Dostoevsky, những lời rời rã của Kafka... và đủ can đảm để lùi về phía sau, cam lòng chịu để đời ngộ nhận thái độ của mình và chậm rãi bình tĩnh nói tiếng nói muôn đời của nhân loại khát vọng tự do và công chính.” (trang 585)

“Toàn thể văn nghiệp của Camus biểu trưng một sự tiến triển của con người thời đại đi giữa hư vô chủ nghĩa và gạch vụn tro tàn, mà giữ vững một niềm tin vũ bão ở khả năng xây dựng của con người trước sức tàn phá của hư vô.” (trang 723).

“Có lẽ chỉ cần nhìn cái lối thể hiện tác phẩm của Gabriel Marcel, là cũng đủ để ta thấy triết gia hiện sinh chống đối óc duy lý một cách mãnh liệt. Ông tuyệt đối chối bỏ cái hệ thống lấp lờ khô cỗi, của những kẻ tự dối mình trong những biện luận mình tự cho là phân minh.” (trang 787)

“Shakespeare đẩy ta vào giới hạn cuối cùng của đời sống để buộc ta nhìn nhận chân lý của hiện tồn, nhìn lại nhân gian trong viễn tượng nghiệt ngã.” (trang 853)

Không chỉ Bùi Giáng mà còn nhiều tạp chí văn học lớn như Bách khoa với Trần Đức Thảo và Đại học với Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Trọng Văn, linh mục Trần Thái Đĩnh, đã khai triển mãnh liệt tư tưởng hiện sinh. Ngay đến tạp chí Phật giáo Tư Tưởng của các giáo sư đại học Vạn Hạnh với Thích Nhất Hạnh, Thích Minh Châu đã dành nguyên một chương đề cao những tương quan giữa tư tưởng Phật và triết Tây. Khi so sánh Heidegger và Nguyễn Du trong bối cảnh tư tưởng hiện sinh qua các sắc thái chính trị và dân tộc các nhà trí thức miền Nam có ý gì? Tôi thiết nghĩ họ muốn tìm cách xây dựng một nền văn hóa quốc gia đề sánh với văn minh phương Tây hiện đại trong một bối cảnh mấp mờ và hỗn độn của chiến tranh thời ấy.

## Triết học về con người

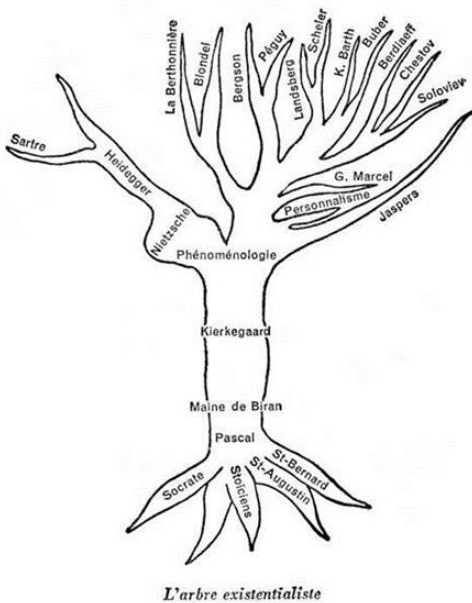
Tôi hiểu rằng triết học cổ truyền từ Hy Lạp Platon, Aristote ngay cho đến cả Descartes, Kant và Hegel bị coi là triết học bị phóng thể. Vì phong trào hiện sinh cho rằng các triết gia đó đã kêu gọi con người nên quên mình đi để chú tâm tìm hiểu những lẽ huyền bí của tạo hoá thay vì họ hỗ trợ con người để ý thức về thân phận và định mệnh mình.

### Những khuynh hướng khác nhau trong phong trào hiện sinh

Ngay trên châu Âu quê hương mình, triết hiện sinh đã chịu nhiều ngộ nhận mà đáng tiếc nhất là nhiều người chỉ tưởng rằng nền triết hiện sinh chỉ bao gồm triết vô thần của Heidegger hay của Sartre. Còn người Việt thì có người vợ đưa cả nắm khi bàn về triết hiện sinh. Để trình bày một cách tổng quát, có lẽ tốt nhất tôi xin trưng bày cây hiện sinh của Emmanuelle Mounier<sup>2</sup>:

Cây Kierkegaard bắt nguồn từ những truyền thống Hy Lạp Socrate và Kitô giáo nên trung thành với truyền thống. Trái lại cây Nietzsche bắt nguồn từ những tư tưởng ngược chiều triết lý Hy Lạp nên không lạ gì chúng ta thấy Kitô giáo và tư tưởng duy thức của Socrate và Platon luôn bị Nietzsche công kích.

Hai ngành này, tuy cùng một chủ trương chung là lấy triết học về con người để chống lại nền triết học cổ điển và triết học về vũ trụ, nhưng không chỉ khác nhau mà còn đối lập nhau. Đối lập này biểu lộ rõ ràng từ hai ông tổ mỗi ngành, Kierkegaard và Nietzsche. Đối với Kierkegaard, hiện sinh luôn có nghĩa là hiện sinh trước nhan Thiên Chúa. Trái lại, khi tách riêng ra ngành tả,



<sup>2</sup> Mounier, Introduction aux existentialism.

Nietzsche không những tuyên bố “Thiên Chúa chết rồi” mà còn hô hào con người phải giết chết Thiên Chúa để tiến lên giai đoạn gọi là “thời kỳ của con người siêu nhân”, *the Superman*.

Sự đối lập hiện ra rõ ràng hơn nơi các triết gia thế hệ tiếp nối của hai ngành. *Jaspers* và *Marcel* đại diện ngành hữu, *Heidegger* và *Sartre* cho ngành tả.

Họ đối lập nhau ngay những điểm căn bản của triết hiện sinh: con người và Thượng đế. Họ chia rẽ luôn cả hai chiều hướng của con người hiện sinh, chiều ngang tức tha nhân và chiều dọc là Thượng đế.

Ngành hữu công nhận và đề cao thông hiệp với tha nhân, *intersubjectivité* hay Liên chủ tính<sup>3</sup>, để thể hiện toàn hảo tư tưởng thăng tiến con người hiện sinh. Ngược lại, ngành tả kêu gọi tranh đấu chống lại tha nhân để ta không bị biến thành sở hữu của họ. *Sartre* trong tác phẩm *Huis Clos, No Exit* cho rằng: “Tha nhân là địa ngục của tôi”, “*L’enfer, c’est les autres*”. Sang qua chiều dọc Siêu việt tính<sup>4</sup>, ngành hữu thấy nơi Thượng Đế lời mời gọi con người hướng lên, thăng tiến mãi. Nhưng ngược lại ngành tả hô hào tẩy chay Thượng Đế ra khỏi cuộc sống vì một khi tin vào Thượng Đế con người bị hạn chế, chưa hoàn toàn được tự do.

## Những sắc thái hiện sinh

---

*Cuộc đời đa số người ta đều mang vẻ tầm thường, buồn nôn; vì cuộc sống là một phóng thể; do đó con người cần phải luôn tỉnh thức, ý thức giá trị nhân vị mình: từ đó cảm nhận ưu tư, nhưng phải quyết tâm sống vươn lên. Một khi dừng lại là chính lúc tự đặt mình vào cái chết tinh thần; hay nói khác đi cuộc đời là một thách đố, luôn đòi hỏi con người phải sáng suốt để tự quyết. Tôi không bắt chước và không y lại vào ai vì tôi là một nhân vị độc đáo. Vì thế, cô đơn là một cảm giác thông thường vì chỉ một mình ta gách vác định mệnh giao phó đời ta mà không ai sống hay chết thay ta được.*

---

Trong tác phẩm *La Nausée*, *Sartre* dùng danh từ **buồn nôn** để diễn tả về vô lý và vô nghĩa của cuộc sống không lý tưởng và vô ý thức tức những trạng thái sinh hoạt làm li tẻ nhạt thường ngày. *Sartre* bảo sống như thế là “sống thừa” (*se survivre*). Trong tác phẩm *La Nausée*, *Sartre* xử dụng loại văn rất linh hoạt để khai thác một cách tài tình khi diễn tả về cái vẻ chán ngán của cuộc đời vô vị, máy móc như cây cỏ và động vật của những ai sống chỉ vì để sống. “...Ăn, ngủ, ăn, ngủ. Sống từ từ như đám cây kia như vũng nước nọ...”<sup>5</sup>.

**Phóng thể**, (*aliénation*), có nghĩa là hóa thành người khác được dùng để chỉ những con người chưa tự ý thức mình là những nhân vị độc đáo. Họ sinh hoạt bắt chước theo người khác hay hành động theo đuôi, người ta bảo mình làm gì hoặc nghĩ gì thì mình theo đó. Triết hiện sinh chống lại triết thiên nhiên, *Philosophie de la nature* nên coi phóng thể làm mất bản ngã của con người khi cứ nằm lỳ trong trạng thái sự vật, như động vật hay cây cỏ.

**Phóng thể duy tâm** khi người ta quá suy tôn một thứ đạo đức giả tạo, mơ mộng, ảo tưởng đầy ích kỷ và lười biếng. Thứ đạo đức này dứt con người ra khỏi cuộc sống xã hội để gói mình vào trong một tình cảm thanh nhã trường giả mà không bao giờ dám ra tay vào hành động. Muốn hành động nhưng lại sợ dơ tay.

**Phóng thể duy vật** đồng hóa con người hành động máy móc hay vô ý thức, con người như thể cảm thấy an toàn cuộc sống tập đoàn. Con người luôn gắng chen chúc gia nhập thành viên nhóm này, hội đoàn kia. Đó là ý nghĩa câu nói “...Sống tập đoàn là một bước tiến của tinh thần, nhưng bước tiến đó chấm dứt khi con người không còn giữ cho mình được đầu óc sáng kiến và bản tính tự chủ, khi chí khí mạnh mẽ phải nhường bước cho những câu nệ tập thể.” Thành thử họ chỉ là những cái xác, còn hồn là nhóm, là hội, là đảng...

---

<sup>3</sup> Liên chủ thể tức tôi nhận tha nhân là chủ thể như tôi, và ngược lại tha nhân cũng xem tôi là một chủ thể. Chúng ta không coi nhau như đối tượng thụ động, đây là một vấn đề gay go của triết hiện sinh khi J. Wahl (1888-1974), gọi Liên chủ tính là “nghịch lý căn bản nhất của triết hiện sinh”. Xin đọc thêm: Jean Wahl, *La pensée de L’existence*).

<sup>4</sup> Siêu việt tính, từ “*Transcendance*” trong triết học *Jaspers* và *Marcel* mà sau này trở thành nền móng cho Nhân thần học Kitô giáo của *Karl Rahner*, còn từ “*Proscendance*” dành cho các triết gia vô thần như *Heidegger* và *Sartre*.

<sup>5</sup> *Sartre, La nausée*.

**Ưu tư** xuất phát từ tình thức và suy nghĩ. Con người phóng thể vô tư, vì họ sống như một sự vật của gia đình và xã hội. Họ không ưu tư vì họ sống thừa ra, sống như mọi người. Nhưng khi tình ngộ họ không thể không ưu tư.

Ưu tư là bắt đầu vươn lên. Ưu tư không giống như sợ hãi. Ưu tư là bản khoán về tương lai chưa rõ nét. Tương lai đầy huyền nhiệm và rồi mình sẽ quyết định riêng cho mình vì không ai sẽ quyết định thay mình được. Con người hiện sinh ý thức một cách bi đát rằng một nhân vị là một thể giới huyền bí, có thể thành thánh và cũng có thể thành quỷ, có thể vượt qua và cũng có thể sống nô lệ những dục vọng đê tiện: tất cả tùy thuộc nơi hiểu biết và quyết định.

**Tự quyết** của hiện sinh là tự chọn mình để dần thân tìm tự do và tự đảm nhận mặc dầu có thể cực khổ hơn là làm nô lệ. Chính trong hành động tự quyết, hiện sinh là giá trị sống chứ không phải giá trị tư tưởng vì tư tưởng có tính tất nhiên như những kết luận của luận lý học đã nằm sẵn trong những câu tiền đề. Trái lại hiện sinh không tất nhiên nhưng bất tất, contingent. Suy luận có tính cách phổ quát và tất nhiên trong lãnh vực trừu tượng. Trái lại hiện sinh diễn tiến trong điều kiện cụ thể muôn sắc thể nên “không bao giờ người ta có thể dùng suy tưởng để tát cạn được hiện sinh”, nói như Marcel.

**Vươn lên** Kierkegaard kêu gọi con người phải vươn lên khỏi giai đoạn hiểu mỹ để đạt tới giai đoạn đạo đức. Rồi ra khỏi trình độ đạo đức để tiến tới giai đoạn tôn giáo. Nhưng ông phản đối những hình thức tôn giáo trường giả vì chúng ru ngủ con người, bỏ mất hiện sinh trung thực, mất nhân vị con người bị đẩy xuống sự vật thụ động và máy móc.

**Độc Đáo** Triết học cổ truyền luôn nhìn về vũ trụ thiên nhiên nhưng không bao giờ nhìn nhận con người là một cái gì độc đáo vì mỗi người là một đơn vị đồng đều và giống nhau của tổng số nhân loại. Triết hiện sinh nhắc nhở mỗi người rằng mình là một độc đáo và mình phải hoàn thành cái định mệnh độc đáo của mình.

**Cô Đơn** Một khi ý thức sâu xa về tính chất độc đáo hiện sinh của mình, con người tự cảm thấy cô đơn. Chính tôi sẽ chết cái chết của tôi, vậy thì cũng chính tôi phải sống cuộc sống độc đáo của tôi, nghĩa là tôi đừng sống theo đuôi người ta. Khi nào tôi can đảm nhận lấy cô đơn, đó là lúc tôi **dám** nhận làm người có nhân vị độc đáo.<sup>6</sup>

Sau hết, triết hiện sinh không giống chút nào những hình thái phơi bày nhằm nhí trên một số sách báo hay văn nghệ phản ảnh tình trạng lối sống thác loạn, bừa bãi và vô ý thức của những con người vô nhân vị. Một câu rất sâu sắc của *Gabriel Marcel*: “*Il y a une chose qui s'appelle vivre, et il y a une chose qui s'appelle exister: j'ai choisi d'exister*”<sup>7</sup>. “Có một lối gọi là sinh tồn, và lối kia là hiện sinh: tôi chọn hiện sinh”.

## **Một lối nhìn Đức tin Kitô Giáo hiện đại**

Tư tưởng hiện sinh, tôi nghĩ, đã gây những phản ứng mạnh mẽ từ Kitô giáo và Giáo Hội Công Giáo cách riêng khi Công đồng Vatican II chấp nhận phương cách nhận hiểu về đức tin có tính **ngã vị** (personalist) hơn:

*...Đức tin Công Giáo là sự chấp nhận và dần thân của toàn thể bản ngã con người... được mạc khải nơi con người Đức Giêsu Kitô... (Dei Verbum)*

Định nghĩa như thế nói rằng Vatican II chấp nhận thách đố để đối diện với “những dấu chỉ của thời đại” để đáp ứng được trải nghiệm của con người ngày nay. Mẫu thức ngã vị đã chỉ cho thấy rằng Giáo hội, tức bao gồm các Kitô hữu, phải có trách nhiệm nhận ra Tin Mừng phải trả lời cho những vấn đề khó khăn của thời đại như tình trạng nghèo đói, nạn kỳ thị phân biệt chủng tộc và giới tính, sự đàn áp chính trị, ngăn chặn vũ khí nguyên tử, các nền kinh tế bóc lột, vấn đề phá thai, mối liên hệ giữa các tôn giáo, môi trường sinh thái và gần nhất, thảm họa khốc liệt, kinh hồn của cơn đại dịch Covid 19 đang xảy ra trên khắp nơi trên thế giới, gây đau thương nặng nhất cho giới nghèo tại những nước Thứ Ba, như quê hương VN chúng ta.

<sup>6</sup> LM Trần Thái Đình, *Triết Học Hiện Sinh*, NXB Văn Học 2005.

<sup>7</sup> Marcel, *Être et avoir*.

Định nghĩa theo mẫu thức ngã vị nhấn mạnh mối tương quan giữa các **biểu tượng đức tin** theo truyền thống và trải nghiệm con người phải là một tiến trình không ngừng đi tới và chỉ như thế đức tin Kitô giáo mới có thể tiếp tục là một **thực tại sống động**, chứ không là một tàn tích quá khứ.

Hơn thế, với mẫu thức ngã vị, đức tin Kitô giáo sẽ đích thực đóng một vai trò tích cực trong tiến trình phát triển và thăng tiến nhân vị. Một số các triết gia tên tuổi vô thần như *Feuerbach, Nietzsche, Marx, Freud, Sartre* đã tẩy chay đức tin Kitô giáo bởi vì, một cách nào đó, họ thấy đức tin ấy gây ra những cản trở không cho họ phát triển bản ngã của họ.

Chính vì thế Kitô giáo cần phải đề xướng một **nội dung đức tin** để hỗ trợ, một cách nào đó, ngã vị con người được chuyển hóa, canh tân và tái tạo xuyên qua **hành động đức tin**. Quả vậy, với mẫu thức ngã vị, đức tin Kitô giáo mà **bản chất mạc khải** xuất phát từ Thiên Chúa biểu hiện tình yêu vô điều kiện, một tình yêu thách đố con người tín hữu yêu thương tha nhân một cách tương tự.

Nội dung đức tin chính là khi chúng ta phát biểu về điều gì thực tại xảy ra được tin để dẫn đến hành động đức tin. Hai thành tố nổi bật về nội dung đức tin theo mẫu thức ngã vị là **mạc khải** và Đức **Giêsu Kitô**.

Đức tin là một sự đáp trả đối với mạc khải, gói quà của Thiên Chúa. Như thế, có một mối kết hợp nền tảng giữa mạc khải và đức tin. Bên này không thể thật sự tồn tại nếu không có bên kia. Người ta không thể hiểu thực tại đức tin nếu không hiểu một cái gì đó về bản chất của mạc khải. Gói quà đó từ Thiên Chúa phải được đón nhận và mở ra. Thiên Chúa trao ban tình yêu, nhưng không và vô điều kiện, không tùy thuộc vào sự chấp nhận của con người.

Theo *Dei Verbum*, Hiến chế về Mạc khải có tính Ba Ngôi, tính ngã vị, tính lịch sử và tính quy Kitô. Vatican muốn nhấn mạnh đối tượng **tối hậu** của đức tin chính là Thiên Chúa chứ không phải Giáo Hội, Thánh Kinh, các bí tích, phụng vụ, cũng không phải là các giáo thuyết hay các tín điều. Đặc tính ngã vị được nhấn mạnh thêm qua mô tả của *Dei Verbum* về tiến trình mạc khải:

“Trong việc mạc khải, với tình thương chan chứa Thiên Chúa vô hình ngỏ lời với loài người như bạn hữu và đối thoại để mời gọi và đón nhận họ hiệp nhất với Ngài” (DV2).

*Dei Verbum* còn nhấn mạnh thêm tính lịch sử của mạc khải. Đức Giêsu được mô tả như “sự hoàn thành của toàn bộ mạc khải” (DV1).

Đức tin cần phải hiểu thêm nhiều về Đức Giêsu Kitô. Câu hỏi và trả lời thần học “*Giêsu là ai?*” được gọi là Kitô học. “*Tại sao Giêsu đã đến?*” – tức là câu hỏi về Cứu độ luận. Nơi Giêsu Kitô con người, không chỉ cảm nghiệm được Thiên Chúa, về con người, và về thế giới, mà còn tìm thấy được phương thế để trở thành con người nhất quán và tốt lành.

Để giới thiệu Giêsu cho thế giới hôm nay một cách chính đáng và hữu hiệu, Kitô học hiện đại cần phải xuất phát trong từ những lời nói và việc làm của Đức Giêsu lịch sử, được tiếp cận xuyên qua việc nghiên cứu phê bình lịch sử các bản văn thời ấy. Nhưng học Kitô học không thôi thì chưa đủ, bởi ngoài học còn cần phải sống Kitô học, phải thực thi Kitô hành.

Tôi thiết nghĩ biến cố Giêsu phải được tiếp tục suy nghiệm và được diễn tả theo những cách nào cho con người ngày nay có thể hiểu và cảm nghiệm được Thiên Chúa tự biểu lộ tình yêu của Ngài trong và qua biến cố ấy. Kitô học sống động này dựa vào sự việc đức Kitô hiện diện trong mỗi cá nhân và trong lịch sử loài người. Giêsu vẫn là một hôm qua, hôm nay và ngày mai, nhưng sự nhận hiểu của người ta về Giêsu là ai và về ý nghĩa của ơn Cứu Độ qua Người thì luôn thay đổi từ thế hệ này sang thế hệ khác và từ nền văn hóa này sang nền văn hóa khác.

Đặc nét của Kitô học hiện đại chính là khuynh hướng nhấn mạnh đến nhân tính hiện sinh của Giêsu. Nếu người tín hữu muốn cảm nhận ơn Cứu độ thì họ phải gặp gỡ nhân tính Phục Sinh của Ngài. Nhân tính hiện sinh của Giêsu và đức tin vào thiên tính của Người, đối với các Kitô hữu, cứ luôn tồn tại trong trạng thái căng thẳng với nhau. Mục tiêu gay go là giữ được thế quân bình giữa hai đàng.

Triết hiện sinh không xấu hay nguy hiểm nhưng ngược lại rất bổ ích cho tôi. Đọc *Nietzsche*, tôi cảm thấy như bị tát vào mặt bởi những phê bình thẳng thắn của triết gia “vô thần” này. *Sartre* với thái độ ngông cuồng và phản uất vì chủ trương không có Thượng đế, không cần biết đến tha nhân, mình muốn dùng cuộc đời mình làm gì thì làm. *Sartre* là cá nhân, tự kỷ, trường giả, ngạo nghễ mà theo một số phê bình cho rằng thiếu xây dựng. Nhưng *Sartre* giúp tôi có đủ can đảm để nhìn nhận sự thật, soi lòng vào tấm gương. Tôi có cảm tưởng như *Sartre* muốn viết để bắt thiên hạ suy nghĩ, vì nếu mọi người sống theo triết ông thì trần gian này chắc sẽ biến thành địa ngục?

*Marcel* đề cao nhân vị và người ta không bao giờ quên được những phân tích chính xác về những khác biệt giữa hiện hữu và chiếm hữu, *Être et avoir*. Chống lại tư tưởng *Sartre* khi *Marcel* cho rằng phá hoại giá trị con người vì không nhìn nhận một tương quan nào giữa giá trị và hữu thể, biến con người thành một “đầu lâu không hồn”. Trong hai lãnh vực căn bản về huyền nhiệm hữu thể và huyền nhiệm tình yêu, *Marcel* bênh vực tôn giáo, suy tưởng và xét nghiệm một cách độc lập và đã gặp Thượng đế trong đức tin Kitô giáo. Tôi coi *Jaspers* như kiểu mẫu tốt nhất của phong trào hiện sinh vì nơi ông có sự hài hòa của *Nietzsche* và *Kierkegaard*.

Trong *Jaspers*, người ta thấy truyền thống kết hợp với canh tân, con người gắn liền với Thượng đế, và tự do không mâu thuẫn với cảm thông. *Jaspers* ý thức cuộc đời con người như một quá trình vươn lên không ngừng dù rằng vươn lên đầy khó khăn đòi hỏi nhiều ý chí. Theo *Jaspers*, con người ngày nay mặc dầu với những tiến bộ lớn về khoa học kỹ thuật, nhưng vẫn dùng mảnh lời và bạo động làm nền tảng giao tiếp xã hội và bang giao quốc tế. Con người vẫn chưa vươn tới mức sống cảm thông chân thành và xã hội còn thiếu nhiều nhân đạo. Sau cùng, phải nhắc tới Heidegger xướng đáng hãnh diện với những ảnh hưởng của ông về những nghiên cứu về hiện hữu. Triết Heidegger không chịu dừng lại ở bình diện hiện sinh nhưng tiến tới hiện hữu: hiện sinh là sinh hoạt phản tỉnh của con người, hiện hữu là bình diện sinh hoạt của tri giác, tức sinh hoạt chưa phản tỉnh. Chính sinh hoạt tri giác này cho con người chứng kiến hiện hữu tái thể ở cái thế giới mình vừa khai sinh.

*Heidegger* tự nhận chưa có thời giờ để bàn về định mệnh con người và Thượng đế nhưng ông kịch liệt chống lại những ai muốn hiểu ông theo hướng vô thần hoặc dừng dừng, *Indifferentism* hay *Agnosticism*. Ông không chối và cũng không dừng dừng nhưng tự nhận mình chưa có kinh nghiệm hiện hữu về Thượng đế. Phần Siêu hình học tổng quát của *Heidegger* là một tặng phẩm vô cùng quý giá cho nền văn học nói chung và nền Nhân Thần học Kitô giáo nói riêng mà *Karl Rahner* là vị tiên phong.

Để kết thúc, tôi xin phép, trước mượn lời nhận định của linh mục *Yves de Montcheuil S.J.*:

“Đối với một Kitô hữu đã vững tâm không sợ bị lôi cuốn, tôi có thể quả quyết rằng có gì bổ ích cho tinh thần bằng suy nghĩ những trang sách *Nietzsche* đã viết. Bổ ích vì những trang đó bắt ta suy nghĩ và phản ứng. *Nietzsche* răn chúng ta đừng theo chước cám dỗ tai hại thường làm chúng ta muốn biện hộ và thần thánh hóa những yếu hèn và nhu nhược của chúng ta nấp sau những mặt nạ nhân đức để yên thân trong cảnh nhu nhược”<sup>8</sup>.

Và sau là Mát-thêu 7:21-23, khi hỏi thế nào là **môn đệ chân chính**, Chúa Giêsu trả lời:

<sup>(21)</sup> "Không phải bất cứ ai thưa với Thầy: "Lạy Chúa! lạy Chúa!" là được vào Nước Trời cả đâu! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời, mới được vào mà thôi. <sup>(22)</sup> Trong ngày ấy, nhiều người sẽ thưa với Thầy rằng: "Lạy Chúa, lạy Chúa, nào chúng tôi đã chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri, nhân danh Chúa mà trừ quỷ, nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ đó sao?" <sup>(23)</sup> Và bấy giờ Thầy sẽ tuyên bố với họ: Ta không hề biết các ngươi; xéo đi cho khuất mắt Ta, hỡi bọn làm điều gian ác!

<sup>(24)</sup> "Vậy ai nghe những lời Thầy nói đây mà đem ra thực hành, thì ví được như người khôn xây nhà trên đá. <sup>(25)</sup> Dù mưa sa, nước cuốn, hay bão táp ập vào, nhà ấy cũng không sụp đổ, vì đã xây trên nền đá. <sup>(26)</sup> Còn ai nghe những lời Thầy nói đây, mà chẳng đem ra thực hành, thì ví được như người ngu dại xây nhà trên cát. <sup>(27)</sup> Gặp mưa sa, nước cuốn hay bão táp ập vào, nhà ấy sẽ sụp đổ, sụp đổ tan tành".

---

<sup>8</sup> Y. de Montcheuil, *Mélanges théologiques*, NXB Aubier trang 182-183.

Hân hoan là nét độc đáo của **Kitô học hiện sinh**, vì Giêsu phục sinh luôn hiện diện bên cạnh. Ngôi Lời nhập thể mà tên gọi tiêu biểu là *Emmanuel*, tức *Thiên-Chúa-ở-với-chúng-ta* (Mt 1:23) ngày càng sống động và gần gũi hơn. Tin mừng chứng giám, hỗ trợ cho những ai đồng hành khi Người thách đố nhân loại hãy chấp nhận và tin vào hành động dứt khoát của Thiên Chúa trong sứ vụ Người nơi trần thế. Khía cạnh hiện sinh biểu hiện một Kitô học sống động qua cách sống đạo cụ thể tương ứng những thử thách hiện sinh mà Giêsu đã trải nghiệm. Không ai có thể đứng ở thế “trung lập”, “ba phải” mà phải tỏ rõ lập trường hoặc theo hoặc chống Người: “*Ai không đi với tôi, là chống tôi; và ai không cùng tôi thu góp, là phân tán.*” (Mt 12:30). Kitô hữu thật phải là người không sống dửng dưng nhưng luôn dẫn thân, tuyên xưng, biện giải và minh trình đức tin của mình.

Nguyễn Duy Vũ

Đầu tháng tám 2021 – Lễ thánh An-phong, đáng sáng lập dòng Chúa Cứu Thế.

---

## **HÃY CHO CHÚA TẤT CẢ!**

*Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT*

Trong lần về thăm cố hương Nadarét, Đức Giêsu đã không nhận được nhiều thuận lợi như tại các nơi khác. Họ chào đón Người bằng môi miệng, nhưng tâm can của họ không hề bị đánh động bởi Lời giảng của Người. Trái lại, họ còn không tin. Đức Giêsu rất đỗi kinh ngạc về thái độ không tin của họ, nhưng thái độ bất cộng tác và không tin của họ không thể ngăn cản Người thực thi sứ mạng.

Hôm nay, Đức Giêsu rời Nadarét, tiếp tục lên đường để hoàn tất nhiệm vụ mà Cha đã trao phó cho Người. Trong lần ra đi này, Đức Giêsu đã làm một việc mà cho đến lúc này Người chưa làm, đó là bắt đầu sai các Tông đồ ra đi làm nhân chứng, thay mặt Người kêu gọi người ta ăn năn sám hối. Còn phần các ông thì được trao ban cho quyền trừ quỷ và chữa lành bệnh nhân.

Vì đây là chuyến đi đầu tiên của các Tông đồ, cho nên Đức Giêsu đã ban cho các ông những lời hướng dẫn rất cụ thể như không mang gì đi đường, ngoại trừ cây gậy; không mang của ăn thức uống, không mang tiền trong túi; chân được đi dép nhưng không được mang hai áo.

Nói chung, chỉ thị của Đức Giêsu ban cho các Tông đồ và các môn đệ sau này là phải sống nghèo, ra đi cũng nghèo; cuộc sống và hành trang của người môn đệ chỉ lệ thuộc vào sự giàu sang và phong phú của Thiên Chúa, Đấng sai các ông ra đi. Muốn được như thế, các môn đệ cần ghi nhớ rằng chúng ta được sai đi để tiếp nối sứ vụ của Chúa, chứ không hẳn là của chúng ta.

Thật vậy, Chúa là Đấng được Chúa Cha sai đến; và chúng ta, giống như các Tông đồ và các môn đệ khi xưa, là những người được sai. Người được sai không thể cao trọng hơn kẻ sai phái, và những ai được sai đi cũng không thể tiếm quyền kẻ sai mình.

Hãy nhìn vào lịch sử cứu độ, trong những ngày đầu tiên và trải dài theo dòng lịch sử, Thiên Chúa đã không ngừng sai các sứ giả của Người đến với chúng ta; và sau cùng qua Mầu Nhiệm Nhập Thể, Thiên Chúa đã mặc lấy thân phận con người mà lưu ngụ giữa chúng ta. Vì thế, chúng ta có thể xác tín rằng Thiên Chúa không hề bỏ rơi con người, dù hành vi và cách ứng xử của chúng ta có như thế nào vẫn không làm lay chuyển lòng thương xót của Người. Và, giống như Đức Giêsu, Đấng đã được Chúa Cha sai đến như thế nào, thì hôm nay Người cũng muốn sai các Tông đồ ra đi như vậy. Vì thế, hiệu quả sứ vụ của các Tông Đồ nói riêng và chúng ta nói chung hoàn toàn tùy thuộc vào sự gắn bó vào Chúa.

Có Chúa trên hành trang là có tất cả, và đó cũng là điều mà Đức Giêsu căn dặn các Tông đồ hôm nay. Để nhẹ nhàng mà lo việc Chúa, các Tông đồ tuy sống vào lòng hiếu khách và rộng rãi của tha nhân, nhưng không được dính bén với bất kỳ một ai. Các ông cũng không để cho bất kỳ một quyền lực nào ảnh hưởng trên hành trang của người môn đệ. Ngay cả cơm ăn, áo mặc và nơi cư trú là những điều cần thiết cho cuộc sống, nhưng các ông cũng không nên lo lắng thái quá. Mọi sự đó Chúa sẽ ban tặng. Phần các ông, hãy trao hết mọi sự cho Người và chỉ cần ra đi với một lòng tín thác vào Người là đủ.

Nói khác đi, yêu cầu mà Chúa mời gọi các môn đệ hôm nay là biết chấp nhận thân phận nghèo của mình. Nghèo ở đây không chỉ thu tóm vào đời sống vật chất hay tinh thần cho bằng nhấn mạnh đến việc chúng ta phải lệ thuộc vào Chúa như thế nào! Điều này có nghĩa là người được Chúa sai đi luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng, bằng lòng từ bỏ dần dần và trọn vẹn để cho sự giàu có và phong phú của Thiên Chúa được biểu lộ.

Như vậy, sống nghèo là sống dựa vào Chúa chứ không dựa vào bất cứ một thứ quyền lực nào, cho dù đó là thứ thần quyền của một tổ chức, ngay cả tổ chức đó là giáo hội. Sống nghèo là mệnh lệnh mà Chúa dành cho ai muốn trở thành môn đệ đích thực của Người. Với lối sống như thế thì lời rao giảng của người môn đệ sẽ trở thành Tin Vui cho mọi người. Đó đích thực là lối rao giảng của Chúa.

Trái với các điều ấy có thể là sự giàu có của giáo hội; lòng tham lam thích vợ vét của hàng giáo sĩ; sự bủn xỉn, thiếu đại lượng, không đủ bao dung của những ai làm môn đệ... tất cả đều làm cho lời rao giảng trở nên cần cỗi, nghèo nàn, thiếu sức thuyết phục và không đủ sức để chữa lành các vết hằn hoặc không đủ hấp lực để thu hút tâm hồn người nghe.

Tuy nhiên, có một sự thật mà chúng ta không thể chối cãi đó là thân phận mỏng dòn với muôn ngàn yếu đuối đã là nguyên nhân khiến các môn đệ của Chúa muốn tháo lui. Thật ra thân phận và ơn gọi của chúng ta, xuất phát từ Chúa, cho nên cũng sẽ bị khước từ. Trong hoàn cảnh đó, chúng ta hãy nhớ lại chính Đức Giêsu đã bị ruồng rẫy trước. Người đã bị khước từ. Nhưng không vì sự khước từ đón nhận của họ lại có thể ngăn cản Người chu toàn sứ mạng. Chúng ta, các môn đệ của Chúa cũng thế, cần được đổi mới và chính tâm tình đổi mới này sẽ là nguồn động lực giúp chúng ta tiếp tục tiến bước vượt qua mọi khó khăn, ngay cả việc chấp nhận thất bại, miễn sao sứ vụ được chu toàn.

Muốn được như vậy, người môn đệ cần sống điều mình sẽ công bố. Đức Kitô phải là tin vui cho người môn đệ trước khi họ giới thiệu và chia sẻ cho người khác. Triều đại Thiên Chúa mà Đức Giêsu đã rao giảng phải là vương quốc của người môn đệ trước khi họ ra đi loan báo cho người khác.

Đây cũng chẳng phải là điều gì mới lạ, vì chính Đức Giêsu, khi bắt đầu sứ vụ đã kêu gọi các Tông đồ và các môn đệ tham gia vào sứ mạng của Người. Lời mời gọi đó vẫn còn khẩn thiết và có thể được minh hoạ trong câu chuyện sau đây.

Số là, trong cuộc chiến tại Hàn Quốc, có một ngôi làng nhỏ nằm ngay trên làn mưa đạn của các trận pháo kích. Trong làng, có một ngôi nhà thờ. Bên ngoài nhà thờ, có một bức tượng Chúa Giêsu Kitô được đặt trên một cái bệ. Và, sau cuộc chiến, người ta chỉ thấy cảnh tang hoang và đổ nát. Bức tượng cũng không ngoại lệ. Nó nằm chung số phận, bị đổ xuống và vỡ thành từng mảnh vụn tung tóe trên nền nhà thờ.

Xảy ra là có một nhóm lính Mỹ đến thu dọn. Thấy cảnh tượng như thế, một cách thận trọng, họ đã thu thập các mảnh vụn rồi ráp lại thành gần như một pho tượng, chỉ thiếu đôi tay. Họ đề nghị với cha sở của họ đạo đó cho phép họ đem pho tượng về Mỹ để gắn thêm đôi tay vào cho hoàn chỉnh. Nhưng vị linh mục đó đã từ chối. Người nói: Tôi nghĩ chúng ta cứ để nguyên pho tượng thiếu hai tay như thế, rồi ghi dưới bệ của bức tượng hàng chữ "**bạn ơi, làm ơn cho Tôi mượn đôi tay của bạn**". Với cách thức đó, pho tượng thiếu đôi tay của Chúa sẽ loan báo cho những ai đi qua nơi này nhớ lại rằng giờ đây Chúa đang cần đôi tay của bạn để nâng dậy những ai bị vấp ngã, những ai đang cần bạn ôm ấp để bớt cô đơn và vui đi nỗi phiền sầu.

Không chỉ có thế, Chúa còn cần đôi chân bạn để đi tìm những ai bị lạc lối. Chúa lại cần bờ vai của bạn để làm chỗ dựa cho những ai lao đao và vất vả. Chúa cần đôi mắt của bạn để nhìn ra sự hiện diện của Thiên Chúa nơi những con người bé mọn và bị coi thường. Chúa cần con tim của bạn để cảm thông nỗi thất vọng của người tội lỗi. Sau cùng, Chúa rất cần mọi chi thể của bạn để nối kết những người mà bạn đã gặp và cùng nhau xây dựng Nước Trời, nơi đó chỉ có bình an, hoan lạc, niềm vui và tất cả những gì Chúa muốn dựng xây.

Quả thật, đó là niềm vinh dự dành cho những ai được tham gia vào việc rao giảng của Đức Giêsu, kiến tạo trời mới đất mới! Và, hạnh phúc thay cho ai đã được Thiên Chúa trao ban cho nhiệm vụ cao quý như thế!

Trong tâm tình đó, hãy dâng lời ngợi khen với tâm tình cảm tạ vì lòng tín thác của Đức Giêsu, khi Người trao ban cho chúng ta được phép tham gia vào sứ mạng của Người, dù chúng ta bất xứng.

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT



# LỄ THÁNH AN-PHONG CHI HỘI SYDNEY 2021

## 1. Thư ngỏ của CHT & CHP:

Kính gửi: Cha Giuse Mai văn Thịnh  
Các anh chị trong GDAP Sydney  
Các Cô Bác và anh chị cảm tình viên và thân hữu

Trước hết, chúng tôi xin gửi đến quý cha, quý Cô Bác và anh chị lời chúc mừng một ngày lễ mừng cha thánh Anphongsô được tràn đầy hồng ân Chúa ban.

Vì diễn tiến đại dịch ngày càng phức tạp và lây lan chóng mặt, chúng ta không thể tụ họp để mừng lễ Cha Thánh, và không thể họp mặt liên hoan như mọi năm, tuy nhiên, chúng ta đang làm công việc thu gom tài chánh của quý Cô Bác và anh chị có nhã ý yểm trợ công việc truyền giáo của DCCT/VN, kéo dài cho đến ngày 15/08/2021. Sau đó, chúng tôi sẽ tổng kết số tiền thu được và gửi về DCCT/VN. Chúng tôi cũng xin đính kèm danh sách quý Cô Bác và anh chị giúp tiền DCCT/VN tính cho đến tối ngày 01/08/2021.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý Cô Bác và anh chị đã mau mắn mở rộng tấm lòng nhân ái và quý Cô Bác và anh chị sẽ ra tay vào những ngày kế tiếp.

Nguyện xin Chúa ban ơn lành cho quý Cha, quý Cô Bác và anh chị.

Nay kính  
Nguyễn đắc Dzũng, CHT  
Phạm văn Chương, CHP

## 2. Kết quả của Lời kêu gọi

Danh sách các gia đình, anh chị góp tiền yểm trợ công việc truyền giáo của DCCT/VN.

Số thứ tự	Tên người gởi	Số tiền nhận (AUD)
1	A/c Nhuận+Nông	\$300
2	Nhóm thân hữu của Vũ Nhuận	\$700
3	A/c Nguyễn Hùng (em chị Nông)	\$100
4	A/c Nguyễn Dũng (em chị Nông)	\$50
5	Chị Thu Hồng \$200	\$200
6	A/c Tiên + Hòa \$300	\$300
7	A/c Thành Uyển (em chị Mai)	\$50
8	A/c Dũng + Loan	\$500

9	Chị Kim Dung Lakemba	\$200
10	A/c Ông thế Công	\$200
11	A/c Vũ Hùng + Hoa	\$200
12	A/c Hứa Chử + Tuyết Thu	\$200
13	A/c Minh Vọng + Hương	\$200
14	A/c Lê văn Thụ Nhân + Phượng	\$100
15	Chị Đoàn thị Bích Thủy	\$100
16	Chị Nguyễn thị Phụng (Tính)	\$300
17	A/c Nguyễn văn Dũng + Phụng	\$500
18	A/c Thanh Bình + Phượng	\$200
19	A/c Lê duy Phước + Lượng	\$300
20	A/c Phạm văn Chương + Lê	\$500
21	Bác Kim Gái	\$200
22	A/c Nguyễn kim Linh	\$300
23	A/c Nguyễn duy Lâm + Phượng Anh	\$300
24	A/c Trần ngọc Tá + Mai	\$300
25	Một vị ân nhân ẩn danh thuộc Giáo đoàn Mt Pritchard	\$1000
26	Chị Hồ thị Loan	\$200
27	Chị Liên Hóa	\$200
28	A/c Nguyễn an Bình + Hoà	\$200
29	A/c Lê văn Lệ + Thu An	\$100
30	A/c Công Thành + Hương	\$300
31	Chị Hoàng thị Thả	\$150
32	Chị Nguyễn thị Phụng (Tính) cho thêm	\$200
33	A/c Nguyễn duy Vũ + Thu	\$1000
34	Bác Cung gái /chị Kim Thoa	\$150
35	A/c Nguyễn anh Phương + Quế Chi	\$220
36	Ông Vũ đình Đính	\$200

---

37	A/c Nguyễn đắc Dzũng+Vân	\$300
38	Gia đình Bác Luật/Trần trọng Dũng	\$500
39	Gia đình Bác Nguyễn Liên (Sefton)	\$500
40	Gia đình A/c Dũng+Chi và Ngọc kim Thanh Đào	\$500
41	Gia đình Bác Trần tứ Cảnh/chị Trần thị Mỹ Hạnh	\$700
42	A/c Phong+Khánh	\$150
43	A/c Nguyễn minh Tâm + Hân	\$100
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>\$12,970</b>

### **3. Thư Lm Giám Tỉnh DCCT VN Giuse Nguyễn Ngọc Bích cảm ơn Gia Đình An Phong Sydney**

15/8/2021

*“Tôi là Linh mục Giuse Nguyễn Ngọc Bích, Bề Trên Giám Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam, qua Ông Vũ Nhuận, đã nhận số tiền 13,000 AUD (216.500.000 VND) của Gia Đình An Phong Sydney, Úc Châu, để giúp đỡ cho Nhà Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam.*

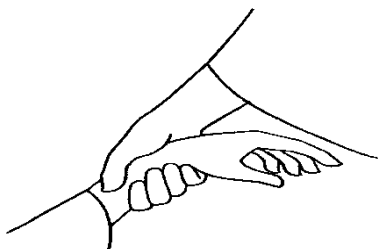
*Tôi xin thay mặt Tỉnh Dòng cảm ơn anh chị em đã yêu mến Nhà Dòng trong hoàn cảnh dịch bệnh. Sự trợ giúp của anh chị em Gia Đình An Phong Sydney lúc này là niềm an ủi lớn lao cho chúng tôi. Qua anh chị em, chúng tôi nhận ra lòng thương xót vô biên của Chúa.*

*Xin Chúa ban xuống ơn huệ dồi dào cho anh chị em và gia đình. Chúng tôi luôn cầu nguyện cho anh chị em.*

*Thân ái trong Chúa Cứu Thế*

*(Ấn ký)*

*Lm. Giuse Nguyễn Ngọc Bích, C.S.s.R  
Giám Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam”*



# Giọng cũ xa gần

Dân Gây phụ trách

## 1. Phản hồi của GDAP chi hội Sydney về DIA 115:

-Xin gửi đến bà con xa gần tờ Duc In Altum số 115 quý 3 năm 2021 vừa ra lò qua trang nhà [www.giadinhanphong.com](http://www.giadinhanphong.com)  
Xin đón đọc.

Thay mặt chủ bút Trần Ngọc Tá,  
Duy Lâm Anphong 1971

-Chị Lê Phạm chấp bút:

“Kỳ này ít bài quá.  
Tòa báo cũng lock down luôn.”

-Nguyễn Duy Lâm tiếp lời:

Chị Lê ơi,  
Em cũng nghĩ giống chị, có lẽ tờ này ngắn nhất. Đáng lý ra lockdown các nhà văn có nhiều thì giờ ở nhà viết hơn.  
Nhưng mình thông cảm vì ai cũng tới tuổi hết rồi, vớ lại gần đây chủ bút MaiTá không được khỏe..eLa

-Vũ Nhuận thêm ý:

“Hoan nghênh cả chủ nhiệm lẫn chủ bút.  
Thời buổi LOCKDOWN mà được như vậy là vượt kỷ lục rồi.  
Xin mời nhị vị một chai bia nhé. Dzô! “

## 2. Tin Buồn

**HIỆP THÔNG & CẦU NGUYỆN**

### - **Lm Phêrô ĐINH NGỌC QUẾ DCCT**

**Gia Đình An Phong Sydney**

**HIỆP THÔNG CẦU NGUYỆN**

**cho Cha Phêrô ĐINH NGỌC QUẾ DCCT**

bác ruột của anh **Đinh Ngọc Thức** (Sydney) **cựu đệ tử DCCT - cháu đích tôn** (Chủ nhân tiệm sang băng Nhạc Saigon - Cabramatta).

Vừa được Chúa gọi về Nhà Cha

lúc 2g45 sáng ngày 2 tháng 7 năm 2021

Tại Tu Viện Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp

Long Beach, California USA

Hưởng Thọ 95 tuổi.

Linh Mục Phêrô Đinh Ngọc Quế CSsR

\* Nguyên Bề Trên Nhà Majella DCCT Balwin Park, Cali

\* Nguyên Chủ Tịch LĐCGVN Miền Tây Nam Hoa Kỳ

\* Nguyên Tuyên Úy Trưởng Biệt Khu Thủ Đô VNCH

Xin hiệp thông với tang quyến và anh Đinh Ngọc Thức  
cầu nguyện cho linh hồn Phêrô  
sớm được Chúa đưa về Quê Trời

Thành Kính

**T/M Gia Đình An Phong Sydney**

CHT Nguyễn Đắc Dũng

CHP Phạm Văn Chương

## **-Sơ lược Cuộc đời Phục vụ của Lm Lê Lê Trung Nghĩa DCCT**

Lm Lê Lê Trung Nghĩa sinh ngày 19.4.1927 tại Vĩnh Long. Khấn Dòng ngày 2 tháng 8 năm 1949. Cùng lớp Nhà Tập với các cha Phêrô Nguyễn Hoàng Diệp (RIP), Laurensô Vũ Văn Phát (RIP) và Phêrô Đặng Văn Đào (RIP).

Chịu chức linh mục ngày 11.07.1954. Sau đó làm cha giáo tại Đệ Tử Viện Vũng Tàu từ 1956-1960. Năm 1960, cha dự khoá Nhà Tập 2 tại Đà Lạt và sau đó đi giảng đại phúc. Cuộc đời tu sĩ DCCT của cha Lê Lê Trung Nghĩa gắn liền với mục vụ đại Phúc cùng với các vị thừa sai nổi danh tiên khởi như cha Antoine Lapointe, Eduard Blais. Do ảnh hưởng của 2 cha này khi giảng đại phúc tại Vĩnh Long mà cậu bé Lê Trung Nghĩa đã xin vào DCCT để đi tu làm linh mục.

Năm 1967, cha Lê Trung Nghĩa cùng với cha Hồng Phúc giảng Đại Phúc tại Vientiane, nước Lào. Cha cũng tham gia nhiều cuộc Đại Phúc tại các giáo xứ Gò Thị, Gò Bôi, Kim Châu thuộc giáo phận Quy Nhơn - Đà Nẵng.

Năm 1968, cha giữ nhiệm vụ quản lý Tỉnh thời cha Henri Bạch Văn Lộc làm bề trên Nhà Saigon cho đến khi được bầu làm Bề Trên Tỉnh năm 1975.

Đại gia đình của cha Lê Lê Trung Nghĩa có truyền thống linh mục với hai cha Maurice Lễ và Henri Bạch Văn Lộc và 3 anh em trong cùng một gia đình họ Lê. Một trường hợp duy nhất trong lịch sử DCCT Việt Nam.

Đó là các cha:

\*Felix Lê Văn Lang (anh lớn) RIP

\*Lê Lê Trung Nghĩa và

\*Phanxicô Xavier Lê Thanh Châu RIP

Theo Luật Dòng số 121, cha Henri Bạch Văn Lộc sau 2 nhiệm kỳ Bề Trên Tỉnh - không được tái cử. Do đó vào ngày 12.2.1975, cha đã tổ chức bầu cử và ngày 14.4.1975 cha Lê Trung Nghĩa đã đắc cử và nhận nhiệm vụ mới ngày 8.5.1975 giữa lúc tình hình đất nước biến động.

Vị Bề Trên Tỉnh đầu tiên của DCCT Việt Nam sau biến cố 30.4.1975 đã có những tâm tình sau đây về sứ vụ giám tỉnh của ngài:

“Anh em bầu tôi vào chức vụ Giám Tỉnh trước Giải Phóng, nhưng chức vụ chỉ được bàn giao sau Giải Phóng, vào ngày 8 tháng 5 năm 1975. Sự thể này đã đưa đến tình trạng Tỉnh Dòng hoàn toàn bị cô lập. Không liên lạc gì được với bên ngoài. Không hỏi biết gì được kinh nghiệm của các Nhà Dòng, của các anh em khác ở Đông Âu và các nước xã hội chủ nghĩa. Dường như có một bức màn buông xuống đất nước Việt Nam. Do đó, anh em trong Ban Quản Trị Tỉnh phải tự mình ứng phó với hoàn cảnh mới”.

“Luc ban đầu, không làm sao tránh khỏi sự sợ hãi, mặc dầu vẫn biết - theo Tin Mừng - phải vượt trên sự sợ hãi”.

Rồi đây đời sống của Tỉnh Dòng sẽ ra sao?

Làm sao mà sống?

*Lấy gì mà sống?*

*Không làm sao hiểu được những danh từ như .... “cải tạo xã hội chủ nghĩa”, “xây dựng chủ” nghĩa xã hội. Sau này mới hiểu những danh từ đó có nội dung gì, tổ chức xã hội ra sao”.*

*Qua một vài lời ngắn gọn đó, chúng ta có thể mừng tượng được những lo âu của người đang phải gánh vác trách nhiệm của cả Tỉnh DCCT Việt Nam với mấy trăm tu sĩ thuộc mọi thành phần tuổi tác trong các công việc tông đồ mục vụ. Trong khi các cơ sở không còn hoặc gặp khó khăn trong hoạt động, với bao lo âu trong cuộc sống vật chất, tinh thần và thiêng liêng.*

*Cha Bề Trên Lê Trung Nghĩa đã gánh chịu những thử thách lớn lao và bất ngờ, thế nhưng ngài gánh chịu trong sự dũng cảm, bình tĩnh và tin thác vào Thiên Chúa.*

*Cha Lê Trung Nghĩa tâm sự thêm:*

*“Vấn đề tài chánh, lúc ban đầu những người có trách nhiệm trong Tỉnh rất lo vấn đề này. Các nguồn sinh sống của Tỉnh Dòng từ trước đến nay, dưới chế độ mới - không còn nữa.*

*Rồi đây làm sao mà sống?*

*Một nguyên tắc chỉ đạo lúc bấy giờ là phải cố gắng tự túc. Tu Viện Kỳ Đồng, Đệ Tử Viện, Tập Viện, Học Viện Thủ Đức phải cố gắng tự túc. Các anh em sống tại các nơi khác cũng phải cố gắng tự túc. Riêng tôi không quên tiếp tế - được phần nào hay phần nấy - cho các anh em học tập cải tạo. Ruộng của Nhà Dòng còn được chừa lại cho 2 mẫu ở Bình Quới (Thanh Đa). Nhờ đó, có gạo ăn không sợ đói. Kinh nghiệm cho thấy rằng: ai lo việc Chúa, Chúa không để phải đói. Trong hoàn cảnh thiếu thốn đó, giáo dân cũng thương chúng ta hơn”.*

*Có lúc cha Bề Trên Tỉnh Lê Trung Nghĩa đã phải đương đầu với những khó khăn to lớn. Như thời gian mất mùa phải ăn khoai sắn. Các cơ sở bị nhà nước quản lý. Trong đợt đổi tiền đầu tiên Nhà Dòng Saigon với 3 hộ chỉ được đổi 600 đồng”.*

*Trong khi đó cha Bề Trên Tỉnh còn phải kịp thời bổ xung vào những chỗ trống do những người ra đi hay phong chức linh mục trước thời gian để đưa họ đến những giáo điểm như Fyan, các giáo xứ, đến các cơ sở còn hoạt động. Cha Lê Trung Nghĩa đã phải vội vã đi thăm các cộng đoàn ở Nha Trang, Đà Lạt, Pleiku, Huế. Sau 5 năm xin phép, cha mới được ra Hà Nội đến thăm cha Giuse Vũ Ngọc Bích đã mấy mươi năm sống và hoạt động trong cô đơn và thiếu thốn đủ bề.*

*Nhờ lòng can đảm, khôn ngoan và tin thác vào Thiên Chúa mà cha Léo Lê Trung Nghĩa đã giữ vững Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam để các bề trên kế nhiệm có thể vượt qua mọi mất mát, để phục hồi DCCT với những mầm sống tươi trẻ, nhìn vào tương lại với niềm phấn khởi và cậy trông.*

*Xin dành một phút im lặng để cầu nguyện cho cha Léo Lê Trung Nghĩa CSsR, một sĩ tử gương mẫu và đáng quý của DCCT.*

*Vũ Nhuận kể theo tài liệu của Lm Rôcô Nguyễn Tự Do DCCT "Lịch Sử DCCT Việt Nam"*

## **- Lm Gioan Baotixita Nguyễn Minh Sang, CSsR**

GIA ĐÌNH AN PHONG SYDNEY

Hiệp Thông với

Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam và Tang Quyển

CẦU NGUYỆN cho

Lm Gioan Baotixita Nguyễn Minh Sang, CSsR

Vừa được Chúa gọi về Nhà Cha

Lúc 12g30 Chúa Nhật 25.07.2021

Tại nhà Hưu Dưỡng DCCT Saigon sau

78 năm làm con Chúa

56 năm khấn Dòng  
46 năm Linh mục.

Lm Gioan Baotixita từng làm Bề trên DCCT tại Vĩnh Long và Nha Trang. Ngài cũng làm cha sở các họ đạo ở Vĩnh Long: Mỹ Thuận, Cái Tàu Hạ, An Phú Thuận, Sa Đéc (quần hạt); cha sở giáo xứ Giuse Quân Trấn Nha Trang.

Lm Nguyễn Minh Sang cùng lớp Nhà Tập năm 1965 với Lm Tiến Lộc CSsR

và các anh:

Trần Ngọc Tá, Phạm Văn Chương (Sydney)

Nguyễn Văn Thu, Nguyễn Sĩ Bạch, Nguyễn Văn Sâm (Hoa Kỳ)

Nguyễn Quý Bân (Noumea)

Lê Văn Khuê, Nguyễn Trường Thái (Việt Nam)

Nguyện xin Thiên Chúa mở lòng từ ái

sớm đón nhận linh hồn Gioan Baotixita vào Nước Trời

Thành Kính

T/M Gia Đình An Phong Sydney

CHT Nguyễn Đắc Dũng

CHP Phạm Văn Chương

**\*Đôi giò nhớ bạn của Phạm Văn Chương Sydney**

*Tin sét đánh:*

*Cha Nguyễn Minh Sang mới tạ thế vào trưa ngày 25 tháng 7 và được hỏa táng cùng ngày, vì lý do đại dịch. Thế là tôi mất đi một người bạn mến yêu, một người bạn thân thương mà tôi mới tay bắt mặt mừng cách đây 3 năm, vào dịp vợ chồng tôi về VN tham dự bữa tiệc họp mặt của các anh em cùng lớp Têrêsa. Một bữa tiệc họp mặt mà tôi được gặp lại Cha Sang, Khuê và Ôn cùng các anh Danh, Nghiã. Lễ ra cũng có mặt bạn Thu nhưng vì lý do sức khỏe nên vợ chồng Thu đã trở về Mỹ sớm vài ngày, nào ngờ tiệc họp mặt lần 2 lại trở thành tiệc biệt ly Cha Sang. Hôm đó sau tiệc họp mặt, cha Sang đã đưa vợ chồng tôi đến DCCT/Saigon, cha có một cái chìa khóa pass partout có thể mở các cửa, cha đưa đi xem nhà Dòng và các phòng ốc, và khi gặp một thầy đang làm việc tại nhà bếp, cha móc túi đưa cho thầy tiền túi mà vợ chồng tôi vừa biếu cha. Rồi cha còn đưa chúng tôi đi thăm học viện DCCT tại đây chúng tôi gặp cha Tiến Lộc đang nằm tại đây vì cha mới bị stroke. Tiếp đến cha còn đưa chúng tôi đi xem nhà nguyện lưu giữ tro cốt thai nhi bị bỏ rơi, rồi xem ao cá ...*

*Tất cả đều do bàn tay các thầy lao động tạo nên. Giờ đây bạn tôi đã được Chúa gọi về, rồi bỏ cõi thế gian đầy đau thương và nước mắt. Xin Chúa xót thương một người con cái Chúa đã trọn đời hi sinh bền đỗ phụng sự Chúa, và mau đón nhận linh hồn Gioan Baotixita Nguyễn Minh Sang về hưởng Nước Chúa muôn đời.*

## **- Lm Yuse TRẦN NGỌC THAO**

*Thánh Lễ an táng*

*Lm Yuse Trần Ngọc Thao CSsR (Congregatio Sanctissimi Redemptoris) diễn ra trong âm thầm vì đại dịch Covid19.*

*Sáng thứ hai 07/06/2021, vào lúc 6g, tại Đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp Sài Gòn, Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam cử hành thánh lễ an táng đưa tiễn Cha Cố Giuse Trần Ngọc Thao, nguyên Bề trên Giám Tỉnh.*

*Do tình hình COVID-19, tang lễ đã chỉ được cử hành âm thầm, với rất ít người tham dự. Thánh lễ do Cha Bề trên Giám Tỉnh đương nhiệm Giuse Nguyễn Ngọc Bích chủ tế. Cùng đồng tế với ngài, chỉ có hai linh mục khác, là Cha Phó Giám Tỉnh và Cha Bề trên Tu viện DCCT Sài Gòn. Giáo dân tham dự*

thánh lễ gồm 10 người, là những thân nhân thuộc gia đình huyết tộc của Cha Cố Giuse.

Anh em tu sĩ – linh mục Dòng Chúa Cứu Thế tại Sài Gòn dâng thánh lễ cầu nguyện và từ biệt Cha Cố Giuse trong Tu viện vào lúc 05:00 sáng, giờ lễ thường ngày trong Tu viện. Anh em tu sĩ – linh mục Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam ở khắp nơi đều dâng lễ cầu nguyện cho ngài và hướng tâm hồn về Sài Gòn dâng nén hương lòng tiễn biệt Cha Cố Giuse mà mọi người trong Dòng đều nhận ngài là ân nhân, là người thầy, người cha, người bạn mẫu mực trong mọi phương diện, rất nhân lành, tế nhị và sâu sắc.

Thánh lễ an táng chỉ được cử hành cách đơn sơ, nhưng trang nghiêm và thánh thiện. Trong lời mở đầu thánh lễ, Cha Bề trên Giám Tỉnh nói: “Giờ đây chúng ta dâng thánh lễ để tạ ơn Chúa cùng với Cha Cố Giuse về một cuộc đời 86 năm, về 68 năm làm tu sĩ và 62 năm làm linh mục trong Dòng Chúa Cứu Thế. Xin Chúa cho ngài ngày hôm nay được về bên Chúa và hưởng hạnh phúc trọn vẹn.”

Cũng trong lời mở đầu thánh lễ, Cha Giám Tỉnh đã nói: Cha Cố Giuse “là một khuôn mặt lớn của Nhà Dòng vừa được Chúa gọi về. Ngài đã thực hiện sứ mạng của mình, hoàn tất cuộc đời của mình, và ngài ra đi trong bình an, thanh thản. Đó là một niềm an ủi cho toàn thể Nhà Dòng.”

“Ngài đã làm Giám Tỉnh qua bốn nhiệm kỳ. Đó là một công việc không dễ dàng gì trong một hoàn cảnh đặc biệt” – Cha Giám Tỉnh đương nhiệm nói trong thánh lễ. “Đó là lúc anh em chúng tôi phải phân tán đi khắp nơi. Gặp thời thế như vậy, cần phải có một con người với tấm lòng bao dung, hiền hòa và một tâm hồn thanh thản bình an để chèo chống Nhà Dòng qua những lúc khó khăn”.

Vấn theo lời Cha Giám Tỉnh trong thánh lễ, Cha Cố Giuse “là người đã để lại rất nhiều dấu ấn trong các tâm hồn. Ngài đã sống như một tu sĩ chân chính và đã đem lại rất nhiều điều tốt lành cho các tâm hồn trong và ngoài Nhà Dòng. Ngài phục vụ Tin Mừng cách đặc biệt qua việc phiên dịch Kinh Thánh trong Nhóm Phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Suốt cuộc đời như là một nhà đào tạo, suốt cuộc đời như là một tu sĩ – linh mục chuẩn mực, ngài đã sống trọn vẹn sứ mạng của mình.”

Nói về tâm tình của anh em tu sĩ – linh mục Dòng Chúa Cứu Thế đối với sự ra đi của Cha Cố Giuse, Cha Giám Tỉnh bộc bạch: “Giờ đây Cha Cố Giuse đã về với Chúa. Tất cả anh em trong Nhà Dòng đều cảm thấy thương tiếc ngài, nhưng đồng thời cũng cảm thấy vui mừng vì ngài đã sống trọn vẹn sứ mạng Chúa trao phó cho ngài.”

Sau thánh lễ an táng tại Đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp Sài Gòn, thi hài Cha Cố Giuse được hỏa táng tại Bình Hưng Hòa. Ngài sẽ yên nghỉ trong Nhà Vượt Qua của Tu viện DCCT – Giáo xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp Sài Gòn, chờ ngày thân xác phục sinh với Chúa Cứu Thế.

V.H.

Nguồn Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam

- Lúc 4g30 chiều Chúa Nhật 06.06.2021  
Gia Đình An Phong Sydney  
đã xin Lễ cầu nguyện cho cha Yuse Trần Ngọc Thao CSsR  
tại Nhà Thờ Our Lady of Rosary, Fairfield NSW

Với 2 linh mục DCCT đồng tế là  
Cha Yuse Mai Văn Thịnh - bề trên DCCT tại Kogarah và  
Cha G.B Lê Đình Các - cộng đoàn DCCT tại Galong NSW

Ngoài ra cũng có sự hiện diện của  
Lm Nguyễn Xuân Hiếu DCCT đến từ Melbourne

và sự có mặt của khá đầy đủ thành viên trong  
Gia Đình An Phong Sydney

Buổi lễ đã được



Ông Trần Thanh Lịch - trưởng BMV Giáo Đoàn Fairfield,  
Anh Nguyễn Anh Minh - ca trưởng - và Chị Mỹ Linh  
đã dành mọi sự dễ dãi cho việc phối hợp tổ chức.

Xin thành thật cảm ơn.

Sau thánh lễ, anh chị em đã có dịp hàn huyên tâm sự sau một thời gian dài không gặp vì Covid19 và chụp tấm hình lưu niệm.

CĐT Vũ Nhuận ghi nhanh vời hình ảnh.

## **CHA GIUSE TRẦN NGỌC THAO DƯỚI MẮT TÔI**

Lm Phêrô Nguyễn Văn Khải DCCT

“Lại một cha nữa trong Dòng ra đi. Lần này là cha Giuse Trần Ngọc Thao. Một tuần mà ba cha về với Chúa là quá nhiều!

Thật là buồn! Tôi buồn ngáy người ra! Những người tôi kính trọng, những người thương yêu tôi cứ lần lượt ra đi.

Tôi ngồi viết những dòng này mà nước mắt chảy dài. Vì tôi biết ngài là một trong những người yêu thương tôi nhất và nâng đỡ tôi nhiều nhất.

Vì trong Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam, ngài là một trong những người tôi kính yêu nhất, là một trong những cha có đời sống tu hành mẫu mực nhất, có đóng góp nhiều nhất trong việc xây dựng Nhà Dòng và Giáo Hội.

Thánh Alfonso nói rằng nếu viết đúng thì tiểu sử của mỗi vị thánh phải dày ít nhất gấp đôi.

Viết đúng là viết cả những giới hạn, yếu đuối và tội lỗi mà con người ai cũng có. Ai bảo mình không có thì đấy là người nói dối. Thánh Gioan nói vậy.

Nhưng thật ra với cha Giuse Trần Ngọc Thao, trong mắt tôi ngài có quá nhiều nhân đức và công trạng mà tôi khó có thể kể hết.

Tôi kể một số điều liên quan đến ngài, với tư cách là chứng nhân. Vì 6 năm ngài làm Bề trên Giám tỉnh của tôi, gần 7 năm làm Giám đốc Học viện và giáo sư của tôi, 3 năm làm Bề trên Cộng đoàn của tôi và 6 năm phòng tôi và phòng ngài ở cạnh nhau vì thế ngài và tôi thường trò chuyện và chia sẻ với nhau.

Ngài kể ngài sinh ra ở Bến Thôn, Thạch Thất, Sơn Tây, nhưng ông cố của ngài là thầy giáo và từ lúc ngài còn rất nhỏ cả nhà đã chuyển xuống sống ở ngõ nhà giáo, phố Nam Đồng, gần nhà thờ Thái Hà, tức ngõ 85 Nguyễn Lương Bằng nay, vì vậy ngài nói giọng Hà Nội chứ không nói giọng líu lo khó nghe của người Bến Thôn.

Ngài sinh hoạt Hùng Tâm Dũng Chí ở Nhà thờ Thái Hà và gia nhập Đệ Tử viện DCCT ở đây.

**NGÀI LÀ MỘT NGƯỜI LỊCH SỰ, NHẢY NHẬN VÀ CHUẨN MỰC TRONG LỜI SỐNG NÓI CHUNG, ĐẶC BIỆT TRONG ĂN MẶC, TRONG ĂN NÓI, TRONG GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ.**

Không bao giờ thấy ngài mặc quần short hay maillot, lúc nào cũng áo sơ mi bỏ trong quần, đi giầy tây hoặc sandales, đầu tóc chải chuốt đầu vào đó.

Anh em trong Dòng nói vui đồ ai biết đui cha Thao thế nào! Vì ngay khi ra khỏi phòng tắm về phòng riêng thì đã thấy ngài ăn mặc chỉnh tề rồi.

Ngài ăn nói từ tốn. Chăm chú lắng nghe và tôn trọng người đối thoại. Dù không bằng lòng điều gì thì ngài cũng không bao giờ lớn tiếng.

Ngài gọi chúng tôi, bằng tên riêng hoặc bằng anh và xưng là mình hoặc tôi. Nhưng khi chúng tôi đã làm linh mục, thì ngài gọi là cha dù chúng tôi chỉ là học trò và bề dưới của ngài, chỉ đáng tuổi con cháu ngài.

Khi phải nhắc bảo ai cái gì thì ngài dẫn đo, cẩn trọng và nhắc nhở cách tế nhị vô cùng.

Ngài duy trì một thời gian biểu rất khoa học. Giờ nào ngày nào với ai ở đâu việc gì đều rất rõ ràng và chính xác. Chính xác đến từng phút từng giây một.

Thí dụ, 6:30 sáng ngài đi dạy học, nhưng nếu dẫu xe máy ra sân mà còn thiếu một hai phút thì ngài cứ ngồi đợi; ngài căn khi nào kim đồng hồ chỉ đúng 6:30 thì ngài mới khởi hành. Tôi chưa thấy ai ứng xử theo sát các phép nhân bản Tây và Ta chu đáo và toàn diện hơn ngài.

**NGÀI LÀ NGƯỜI HIỀN LÀNH, BIẾT THÔNG CẢM VÀ LUÔN TÌM CÁCH GIÚP ĐỠ NGƯỜI HÁC.**

Dung nhan ngài, nhất là ánh mắt và cái miệng lúc nào cũng như đang mỉm cười với người khác. Chưa cần phải sống với ngài, chỉ cần nói chuyện với ngài ta thể cảm nhận được sự nhân từ và độ lượng của ngài.

Cha Trần Thế Phiệt, năm nay 74 tuổi, thuộc lớp học trò và bề dưới đầu tiên của ngài, có dịp nói với anh em trong Dòng rằng các anh em sinh viên thế hệ ngài gọi Cha Giuse Trần Ngọc Thao là “Trần Được Anh”, vì đến trình bày và xin phép ngài điều gì ngài cũng nói “Được anh!”

Đến năm 1999, khi Tuân em tôi mới xong Trung học và vào Sài Gòn, tôi xin phép ngài ngày Chúa nhật dẫn em đi công viên Đầm Sen chơi và trưa không ăn cơm ở nhà. Ngài bảo tôi làm bề trên bao nhiêu năm giờ mới lần đầu thấy có người xin phép đi công viên. Ngài phì cười và rồi cũng nói “Được Khải” và cho tôi 10 nghìn như tôi xin.

Những năm 90 chúng tôi ở Học viện, một số anh em vẫn còn hút thuốc. Có cha thấy anh em hút thuốc thì làm um lên. Mấy hôm sau, đến giờ gặp chúng tôi, ngài nói: “Tôi thông cảm với anh em! Nếu anh em chưa bỏ ngay được và nếu thèm thuốc quá, có hút thì cũng hút cách nào đó để tránh gây cơ vấp phạm cho người khác!”

Ngài khuyên anh em bỏ thuốc lá, nhưng ngài không lấy việc này để làm áp lực trên đời tu của chúng tôi.

Ngài không ác cảm người có ý kiến khác mình. Tôi là bề dưới của ngài, nhiều lần tôi có ý kiến khác ngài, thế nhưng ngài vẫn yêu thương và tôn trọng tôi, hơn nữa còn khích lệ tôi bằng lời nói và việc làm.

Ngài luôn cố gắng giúp đỡ chúng tôi hết sức trong mức độ có thể được, mong muốn cho chúng tôi trở nên hoàn thiện hơn trong mọi việc.

Bao nhiêu bài viết, bài dịch của tôi lúc còn trong Học viện cũng như khi đã làm linh mục và sống bên cạnh ngài đã được sửa chữa và góp ý. Dù chỉ là một mảnh giấy nhắn tin, nếu tôi viết sai chính tả hay ngữ pháp thì ngài cũng sửa bằng bút đỏ và gửi lại cho tôi.

Ngài quảng đại và thông cảm trong lối sống bao nhiêu thì khắt khe và đòi hỏi trong công việc chuyên môn bấy nhiêu. Tôi biết mình viết chẳng dễ dàng gì, nếu bấy giờ tôi viết bớt sai, thì có hai người đã sửa tôi nhiều nhất là ngài và trước đó là cha Vũ Ngọc Bích ở Hà Nội.

Tôi đặc biệt cảm nhận được tình yêu thương và sự giúp đỡ của ngài trong cái chết của cậu tôi năm 1998 ở

Biên Hòa. Ngài đã cùng các cha trong Dòng sắp xếp để tôi đưa cậu từ Biên Hòa về làm đám tang tại Học viện và chính ngài cử hành lễ an táng cho cậu tôi tại nhà thờ Kỳ Đồng.

**NGÀI LÀ NGƯỜI CÒI MỜ, KHIÊM TỐN VÀ BIẾT LẮNG NGHE Ý KIẾN CỦA NGƯỜI KHÁC.**

Ngài dạy chúng tôi, nhưng đọc bài của chúng tôi thấy có gì không hiểu thì ngài ân cần trao đổi chứ không khẳng định ý của mình là tuyệt đối duy nhất đúng. Nếu thấy anh em có lý ngài tiếp thu.

Dù có bằng Tiến sĩ Thần học Kinh Thánh, biết 6 thứ tiếng, nói được tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Ý và tiếng Latin, nhưng không bao giờ trong câu chuyện ngài tỏ ra hiểu biết hơn người khác về bất cứ lãnh vực gì. Ngài không tranh giành hơn thua với ai. Chỉ chăm chú hoàn thành bổn phận và đào sâu lãnh vực chuyên môn của mình.

Tôi nhớ khi lần đầu in Sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ ngài có tặng chúng tôi mỗi người một bản. Cha Hiện lúc đấy còn đang làm thầy nói với chúng tôi câu 1Pr 1,8 các tác giả dịch và diễn đạt chưa đúng mấy vì thế đọc nghe trúc trắc khó hiểu.

Cha Hiện đã đi góp ý với ngài. Sau đó cha Hiện nói với chúng tôi rằng ngài lấy làm vui mừng và cảm ơn cha Hiện nhiều lắm và trong những bản in tiếp theo, câu đó đã được sửa cho sáng sủa và rõ nghĩa như hiện nay.

Tôi nhớ hồi năm 1998, có anh em trong Học viện chia sẻ với tôi anh bị đau dạ dày thường xuyên. Sau khi nghe câu chuyện của anh tôi biết nguyên do là anh và người anh em cùng phòng sống không hợp nhau. Hồi đấy tu viện thiếu chỗ, mỗi phòng ngăn thành 2 ô và mỗi ô 2 anh em.

Thấy vậy tôi đã đến gặp ngài và đề nghị chuyển phòng tất cả các anh em cho khỏi ai bị tổn thương, vì cho đến lúc đấy, tôi thấy anh em Học viện chưa bao giờ chuyển phòng. Tôi nghĩ các anh em sống chung với nhau 6-7 năm trong một ô hay một phòng thì hợp nhau hay không hợp nhau đều không tốt. Ngay hôm sau ngài đã cho anh em bắt thăm để nhận phòng mới người mới.

Hồi năm 2000, trong tư cách là Trưởng Ban Đào tạo, ngài phải ra đề thi Việt văn cho anh em vào Tiên tập. Không biết trình độ Việt văn của các bạn trẻ ngày nay thế nào và các bạn được dạy những gì ở Trung học và Đại học, ngài đã hỏi chuyện tôi và cuối cùng xin tôi giúp ngài chọn mấy đề tài cùng đưa ra yêu cầu của mỗi đề tài để ngài cho anh em thi và làm căn cứ chấm bài cho phù hợp.

Tôi cảm phục thái độ khiêm tốn của ngài. Vì lợi ích của các anh em trẻ mới vào tu, ngài cất công tìm hiểu và hạ mình vậy! Không làm liều! Tất cả cũng vì yêu thương và tôn trọng những người trẻ đang bắt đầu bước vào đời tu trong Dòng.

**NGÀI LÀ NGƯỜI SỐNG NGHÈO KHÓ, GIẢN DỊ VÀ LÀNH MẠNH**

Ngài ở trong cái phòng bé tí của ngôi nhà ván gỗ và mái tôn thấp lẹ thệ của Tu viện Mai Thôn. Chỉ đủ kê cái giường nhỏ, cái bàn nhỏ và cái tủ nhỏ. Gia sản đáng giá nhất của ngài là cái xe máy CD 90 và cái Radio.

Khi ở Kỳ Đồng, phòng ngài cạnh phòng tôi, tôi thấy lúc này ngài có thêm cái máy tính để bàn. Đồ đạc trong phòng ngài vào đầu những năm 2000 còn đơn giản hơn nhiều phòng của các anh em sinh viên Học viện.

Ngài rất chăm chút quần áo mặc, nhưng phòng ở thì rất bụi bặm. Tôi thấy mỗi năm ngài chỉ quét vài lần. Trong khi quần áo thì ngài tự giặt lấy và tự ủi lấy. Ngài không quan tâm đến tiện nghi, đến hưởng thụ. Không đam mê ăn uống, không đam mê âm nhạc, không đam mê thể thao.

Chỉ đọc báo và coi ti vi nhưng coi gọi là. Ngài thường coi ti vi vào giờ khuya, khi các anh em khác đã đi ngủ. Ngài bật ti vi lên và ngồi đối diện trong khi đọc sách vở hay viết gì đó. Có khi ngài ngủ lúc nào ngay tại ghế ngồi. Có khi có anh em đi qua tắt ti vi và tắt điện trên ngài.

Ngài rất chăm chút sức khỏe. Tuy không tập thể dục thể thao hay làm việc tay chân nhưng ngài cũng đi bộ

*lần hạt ở hành lang. Cứ sáu tháng ngài đi khám tổng quát một lần xem sức khỏe thế nào, đường, mỡ men gan ra sao rồi về điều chỉnh bằng chế độ ăn uống.*

*Ngài đặc biệt cẩn thận trong việc ăn uống. Ăn vừa đủ. Uống vừa đủ. Rất điều độ! Không ai có thể mời ngài hay ép ngài ăn uống cái gì mà ngài xét là không tốt cho sức khỏe. Về điểm này ngài sánh được với thầy Placido ở Roma.*

*Chính vì vậy trong khi các cha khác cùng thế hệ bị đủ các chứng bệnh tiểu đường, huyết áp, tim mạch, bao tử...thì ngài vẫn khỏe mạnh và chẳng bị bất cứ bệnh gì. Đây là điều tôi thấy ở ngài cho đến khi tôi rời Sài Gòn năm 2006.*

#### **NGÀI LÀ MỘT NHÀ ĐÀO TẠO MẪU MỤC**

*Ngài giảng dạy không hấp dẫn, độc đáo, nhưng tận tụy, rõ ràng, chính xác, dễ hiểu. Ngài cho thi cử nhẹ nhàng, nhưng nghiêm túc. Bài thi thường yêu cầu không quá 2 trang A5 hoặc 1 trang A4. Ai viết thêm cất bỏ hoặc gạch bỏ phần dư và chỉ chấm nội dung trong phần giấy ngài đã quy định.*

*Không cha thầy nào trong DCCT tận tâm tận lực lo việc đào tạo anh em tu sĩ trẻ bằng ngài. Mấy chục năm ngài làm Giám đốc và làm Giáo sư Học viện DCCT. Phần lớn các linh mục DCCT tuổi từ cỡ trên dưới 75 trở xuống đều là những người được ngài hướng dẫn hoặc dạy dỗ ít nhiều.*

*Trong việc đào tạo, tôi thấy không khi nào ngài tỏ ra có tình cảm với một số anh em này hơn những anh em khác. Không khi nào ngài có ý theo dõi hay dò xét anh em nào. Không khi nào ngài có ác cảm với anh em nào. Ngài giao tiếp và ứng xử quân bình và công bằng với mọi kẻ thuộc quyền.*

*Ngài sống nghiêm khắc với chính mình nhưng nhân từ với các anh em. Nghiêm khắc và đòi hỏi trong lối sống và trong việc viết lách của các anh em, nhưng rất nhân từ và độ lượng trong việc đánh giá và quyết định cho các anh em khẩn dòng hay tiến chức. Trừ việc gian lận thi cử!*

*Ngài nói các anh em khi đi học ở trong Dòng hay ngoài Dòng, cần trung thực. Không làm bài được thì thôi, đừng gian lận thi cử. Nếu không làm bài được ngài vẫn có cách “cứu” được anh em. Nhưng nếu ai có tình gian lận thi cử ngài sẽ đề nghị loại ra khỏi Dòng.*

*Ngài không có những kế hoạch, những dự án tri thức và tâm linh này nọ, không can thiệp nhiều vào đời sống của các anh em. Không bám sát anh em khiến anh em ngạt thở hay sống mất tự nhiên. Anh nào cần đến trình bày ngài nghe và giúp đỡ. Còn gập gờ chính thức thì rất hiếm và rất ngắn.*

*Cả đời Học viện của tôi gần 7 năm, gập gờ chính thức chỉ 3 lần, mỗi lần không quá 5 phút. Lần khẩn lại. Lần khẩn trọn. Lần chịu chức phó tế. Lần nào ngài cũng hỏi mấy câu này: Khải sống trong Học viện có cảm thấy thoải mái không? Khải có cần giúp đỡ gì không? Khải có kinh nghiệm gì cụ thể về Chúa Thánh Thần không? Chỉ có vậy!*

*Tôi có cảm giác cái triết lý giáo dục của ngài chỉ cốt ở hai điểm này. Một là để cho Thánh Thần hướng dẫn và thánh hóa anh em. Hai là dùng tình thương và gương mẫu để các học trò tin tưởng, yêu mến và tự giác sống theo.*

*Lão Tử nói bậc thánh nhân không làm gì mà việc gì cũng thành. Cái lối đào tạo của ngài có lẽ là như là vậy. Ngài không can thiệp nhiều, không cậy sức cậy tài để ép bẻ dưới theo ý mình, nhưng kết quả là các anh em sống bình an, hiệp nhất, có ý thức dẫn thân học tập và phục vụ rất cao.*

#### **NGÀI LÀ MỘT TRONG NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRÍ THỨC CÁCH MẪU MỤC VÀ CHUYÊN CẦN.**

*Ngài hy sinh phục vụ lời Chúa và là một trong những thành viên chủ chốt của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ.*

*Ngài học Thần học Kinh Thánh và trong cuộc đời, ngoài việc bổn phận trong tư cách là Bề trên và Giám đốc, thì thời gian và tâm sức còn lại ngài đặt vào việc nghiên cứu, dịch thuật và giảng dạy Kinh Thánh.*

Tôi đã từng nói rằng Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, một nhóm các nhà trí thức Công giáo tồn tại lâu nhất, làm việc khoa học nhất, tạo ra những sản phẩm trí thức có phẩm chất tốt nhất trong lãnh vực Kinh Thánh và Phụng Vụ, có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong Giáo Hội Việt Nam.

Nhóm ra đời năm 1971 thì năm 1972 Cha Giuse Trần Ngọc Thao gia nhập. Tôi thấy ngoài DCCT thì Nhóm CGKPV là gia đình thứ hai của ngài. Ngài là một trong những thành viên kỳ cựu nhất của Nhóm trong suốt gần 50 năm và trong nhiều thập niên, ngài còn được tín nhiệm bầu làm Trưởng Nhóm.

Nhóm đã in và phổ biến hơn 2 triệu bản Tân ước, hàng trăm nghìn bản Kinh Thánh trọn bộ, hàng chục nghìn bản Sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ, hàng nghìn bản Sách Lễ Roma, các nghi thức Phụng Vụ, các sách chú giải Kinh Thánh... Đây là chưa kể bản văn Kinh Thánh kèm theo chú giải được hàng trăm nghìn người sử dụng online.

Ngày nay, những ai có đọc Kinh Thánh và đọc Kinh Phụng Vụ và tham dự Thánh Lễ bằng tiếng Việt, những ai học Kinh Thánh, đều đang ít nhiều hưởng nhờ thành quả lao động trí thức của Nhóm CGKPV mà trong đó có phần đóng góp quan trọng của Cha Giuse Trần Ngọc Thao.

Cha Nguyễn Ngọc Tĩnh thường nói “Nhóm chúng tôi là một đội banh” và tôi tin cũng như các thành viên khác, Cha Giuse Trần Ngọc Thao là một cầu thủ kỳ cựu và quan trọng. Ngài là Đội trưởng của đội banh kia trong nhiều thập niên

**NGÀI LÀ VỊ BÈ TRÊN GIÁM TỈNH KHÔN NGOAN ĐÃ LÀNH ĐẠO TỈNH DÒNG TRONG GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN NHẤT**

Ngài là một trong những Bè trên Giám tỉnh lâu nhất trong DCCT Việt Nam.

Ngài làm 4 khóa liên tiếp, từ năm 1981-1993. Đây là một trong những giai đoạn khó khăn nhất của Nhà Dòng và Giáo Hội Việt Nam. Vì những năm cuối thập niên 1970 Miền Nam còn thừa hưởng được một chút tự do rơi rớt lại từ thời VNCH mà nhà cầm quyền cộng sản chưa kịp tước đoạt.

Các tu viện của Dòng bị nhà cầm quyền cướp đoạt nhà cửa, trường học, thư viện, đất đai, nhà máy, cơ sở chăn nuôi...Cướp một phần hay toàn bộ. Nhiều anh em bị bắt đi tù. Rất nhiều anh em bị mất chỗ ở khi tu viện bị giải tán và phải về sống với gia đình và phải tự lực động kiếm sống.

Bản thân ngài, dù là Bè trên Giám tỉnh cũng không được sống trong Tu viện Kỳ Đồng mà vẫn phải ở trong căn nhà lụp xụp bên Tu viện Mai Thôn. Mãi đến năm 1993 khi hết làm Giám Tỉnh và nhà nước bớt căng thẳng chuyện hộ khẩu, ngài mới được chuyển về tu viện Kỳ Đồng.

Nhà cầm quyền bấy giờ còn cấm các anh em ở các tỉnh về Sài Gòn tĩnh tâm chung hằng năm. Tệ nhất là cấm thuyền chuyến, cấm bỏ nhiệm, cấm nhận người đào tạo, cấm khấn dòng, cấm chịu chức linh mục, cấm dạy thần học...

Thiếu thốn, khó khăn, nguy hiểm mọi đàng. Dẫn dắt một Tỉnh Dòng mà thời điểm bấy giờ là dòng tu duy nhất hiện diện cả ba miền Bắc-Trung-Nam và duy trì được tinh thần tu trì của các anh em trong giai đoạn khắc nghiệt ấy quả thật không đơn giản. Thế mà ngài đã làm được!

Ngài đã giúp được các anh em gắn bó hiệp nhất với nhau để cùng nhau phục vụ Chúa nơi người nghèo. DCCT ở Việt Nam hiếm có giai đoạn nào anh em đoàn kết và hiệp nhất như thời kỳ 12 năm ngài làm Bè trên Giám Tỉnh.

Ngài đã thành công trong việc tìm kiếm một mô hình thích hợp để cổ vũ và nâng đỡ việc tu, việc học và việc phục vụ của từng anh em trẻ đang thuộc diện đào tạo mà không được sống trong tu viện.

Ngài đã đưa ra các quyết định bí mật nhận ơn gọi, bí mật mở Tập viện, bí mật khấn Dòng, bí mật cho các

*anh em học triết học và thần học với các giáo sư riêng lẻ, bí mật cho anh em truyền chức linh mục, bắt cấm lệnh cấm cản và trừng phạt của nhà cầm quyền.*

*Năm 1990 ngài còn quyết định mở Học viện tập trung tại Tu viện Kỳ Đồng khi ngài vừa là Bề trên Giám tỉnh, vừa là giám đốc Học viện trong khi cha Vũ Khởi Phụng làm Giám học.*

*Vi chỉ có như vậy các anh em trẻ mới có thể có cơ may được đào tạo bài bản và mau chóng. Từ đó ban ngày anh em đến Tu viện học tập. Tối ra ngoài nhà giáo dân ngủ để tránh sự khám xét, bắt bớ của nhà cầm quyền.*

*Cũng từ năm 1990, ngài đã quyết định cho các anh em đã học xong thần học được chịu chức linh mục bí mật nếu muốn. Trong số đó Cha Giuse Nguyễn Ngọc Bích và Vinhson Phạm Trung Thành là những người đầu tiên và cả hai về sau đều đã được bầu làm Bề trên Giám tỉnh như ngài.*

*Tôi tin rằng nếu không có đường hướng và quyết định can đảm và khôn ngoan của ngài thì DCCT đã không có nhiều ơn gọi và nhiều thừa sai như hôm nay, bản thân tôi chưa chắc đã không được nhận vào dự tu năm 1987 ở Hà Nội và năm 1989 ở Tu viện Kỳ Đồng.*

*Tôi tin ngài là một trong những vị Bề trên Giám tỉnh tuyệt vời nhất của chúng tôi. Ngài là một trong vài người đã góp sức nhất và to lớn nhất trong việc làm nên một DCCT Việt Nam như chúng ta thấy hôm nay.*

\*\*\*

*Còn nhiều chuyện để nói về ngài nhưng tôi tạm dừng ở đây.*

*Trong mắt tôi ngài là một con người nhân bản, một tu sĩ mẫu mực, một thừa sai nhiệt thành, một trí thức cần mẫn, một bề trên đầy lòng bao dung.*

*Ngài đã theo sát Chúa Kitô và là một hình ảnh sống động của Chúa Kitô. Ngài đã đóng góp hết mình trong việc xây dựng Giáo Hội và loan báo Tin mừng cho người nghèo, lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn.*

*Hồi nhỏ khi còn sống ở gia đình, tôi thường nghe bố mẹ hỏi các cặp vợ chồng trẻ có "tin mừng" chưa, nghĩa là đã có thai chưa. Khi ai sinh nở mẹ tròn con vuông thì bố mẹ tôi cũng nói nhà đấy có "tin mừng" rồi.*

*Dần dần tôi hiểu bên cạnh Tin mừng tuyệt đối là Chúa Kitô, là lời rao giảng của Ngài, thì "tin mừng" còn là sự ra đời của một con người. Tuy nhiên, mỗi người có thật sự là "tin mừng" cho thế giới hay không, chỉ khi sống và nhất là khi hoàn tất cuộc đời mới biết được.*

*Chiêm ngưỡng cuộc đời của Cha Giuse Trần Ngọc Thao, tôi thấy ngài thực sự là tin mừng cho tôi, cho các anh em trong DCCT Việt Nam chúng tôi và trong chừng mực nào đó nhiều người Việt Nam.*

*Tôi tin ngài là quà tặng, là ân huệ Chúa ban cho tôi, cho DCCT và cho Giáo hội Việt Nam.*

*Xin tạm biệt ngài. Xin Chúa cho ngài được nghỉ yên trong Chúa và mong ngày tôi được gặp lại ngài trong Nước Trời.*

Roma 05.06.2021

Lm Phêrô Nguyễn Văn Khải, DCCT.

*PS. 1-Liên quan đến cấp Giáo Hội Việt Nam, vào khoảng những năm 1994 ngài được Đức Hồng Y Phạm Đình Tụng giới thiệu với Tòa Thánh làm ứng viên Giám mục của Giáo phận Sơn Tây. Tiếc rằng danh sách đợt ấy bị lộ ra ngoài và rơi vào tay nhà nước Việt Nam nên Tòa Thánh không còn xét đến các ứng viên có tên trong danh sách ấy.*

*2. Ngài có lập trường đứng về công lý và sự thật. Ngài khi ông trực tiếp dẫn th ân, nhưng đã tích cực hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh của anh em ở Thái Hà, Hà Nội. Ngài ra tận Thái Hà để thăm anh em. Khi làm lễ ở nhà thờ ngài đã có những lời mạnh mẽ cổ vũ giáo dân và lên án nhà cầm quyền, làm nức lòng giáo dân.*

## Hoài niệm về Sài Gòn xưa với những “tiếng lóng” thân thương và quen thuộc

Lê Văn Sâm (Tren internet)

Một thời, một nơi chốn nào đó, trong đời sống ngôn ngữ dân gian lại nảy sinh ra một số tiếng lóng, một số thành ngữ, một câu hát nhại theo câu hát chính phẩm, hầu hết là để châm biếm, tạo nên nụ cười, hay có khi là để răn đe, tìm sự hoàn thiện trong cuộc sống, chúng chỉ sống một thời rồi tự biến mất, nhường chỗ cho đoạn đời “tiếng lóng” khác đến thay thế. Do đó, việc ghi chúng lại để đọc vui chơi hay phục vụ nghiên cứu văn học dân gian, chỉ có giá trị, khi ghi rõ định vị địa lý và thời gian.

Tỷ như Sài Gòn vào thập niên 60, thịnh hành một chùm tiếng lóng “sức mấy” để thay nói bất lực hay chuyện không thể. Phổ biến đến nỗi, một nhạc sĩ đã chọn làm đề tài cho một bài hát đường phố “Sức mấy mà buồn, buồn chi bỏ đi Tám”.

Những câu chuyện thuộc loại tiếng lóng đó xuất hiện vào thời buổi Sài Gòn bị tạm chiếm, Tây – Mỹ nhiều nhượng, quê hương chiến tranh buồn phiền; “sức mấy” đã trở thành bút hiệu của một chuyên mục phiếm luận trên báo, sau đó một kỹ thuật gia sản xuất còi ô tô đã chế ra một điệu còi ô tô, bấm còi là kêu vang trên phố một dòng nhạc còi auto 9 nốt “tính tính tè tè, tè ti tè ti té”, làm cho đường phố càng náo loạn hơn.

Trước đó cũng từ bài ca Diễm xưa của Trịnh Công Sơn mà sinh ra cụm từ tiếng lóng “xưa rồi Diễm ơi”, mỗi khi có ai lặp lại một đời hồi nào đó, mà người nghe muốn gạt phăng đi.

Thời các vũ trường mới du nhập Sài Gòn như Mỹ Phụng, Baccara, Tháp Ngà, thì dân chơi gọi Tài-pán tức người điều phối nhóm vũ nữ, bằng tiếng lóng “Cai gà”, gọi cảnh sát là “mã tà”, vì police (cảnh sát) hay mang cái đuôi cui, tiếng Tây là mamraque, đọc trại thành “mã tà”. Cũng từ thời thuộc địa, tiếng Tây chế ra tiếng lóng âm Việt rất nhiều như: “gác-dang” tức thuê người làm bảo vệ; tiếng Pháp gardien đọc trại ra thành gác-dang. Cũng như nói “de cái đít” tức lùi xe arriere; tiền bồi dưỡng người phục vụ tiếng Pháp: pour-bois âm bồi gọi “tiền boa”, sau này chế ra là “tiền bo”.

Cũng thời Pháp thuộc, Sài Gòn có nhiều cách nói mà đến nay không ai biết nguyên do. Tỷ như gọi ngân hàng là nhà băng, gọi sở bưu điện là nhà dây thép, mua tem dán bao thư gọi là “con cò”, còn nếu gọi “ông cò” là chỉ cảnh sát trưởng mấy quận ở thành phố, gọi “thầy cò” tức là các ông chữa morasse các tòa báo do chữ correcteur, nhưng nói “cò mồi” là tay môi giới chạy việc, “ăn tiền cò” thì cũng giống như “tiền bo”, nhưng chữ này chỉ dùng cho dịch vụ môi giới.

Thời kinh tế mới phát triển, đi xe auto gọi là đi “xé hộp”, đi xe ngựa gọi là đi “auto hí”, đến thời xe máy nổ ào ào, đi xe đạp gọi là “xe điếc”, đi nghỉ mát Vũng Tàu gọi là “đi cấp”, đi khiêu vũ gọi là “đi bum”, đi tán tỉnh chị em gọi là đi “chim gái”, đi ngắm chị em trên phố gọi là “đi nghề”, gọi chỉ vàng là “khoẻn”, gọi quần là “quờn”, gọi bộ quần áo mới là “đồ đĩa-vía”. Đi chơi bài tứ sắc các bà gọi là “đi xòe”, đi đánh chắn gọi là “múa quạt”, đi chơi bài mật chược các ông gọi là “đi thoa”, đi uống bia gọi “đi nhậu”, đi hớt tóc gọi đi “húi cua”. Có một cụm tiếng lóng từ Huế khoảng 1920 – 1950 du nhập Sài Gòn, đó là “đi đầu dẫu”, tức các chàng trai ăn diện “đi nghề” với đầu trần không mũ nón, để cái mái tóc chải dầu brillantine láng bóng, dù nắng cháy mỡ. Tuyệt vời gọi là “hết sậy”, quê mùa chậm chạp gọi là “âm lịch”, hách dịch tự cao gọi là “chảnh”.

Tiền bạc gọi là “địa”, có thời trong giới bụi đời thường kháo câu “khửa lão địa địa” có nghĩa ông khách già đó lắm tiền, không giữ lời hứa gọi là “xù”, “xù tình”, tức cặp bồ rồi tự bỏ ngang. Làm tiền ai gọi là “bấm địa”, ăn cắp là “chôm chia”, tương tự như “nhám tay” hay “cầm nhầm” những thứ không phải của mình.

Ghé qua làng sân khấu cải lương hát bội, người Sài Gòn gọi là làng “hia mảo”, có một số tiếng lóng người ngoài làng có khi nghe không hiểu. Tỷ như gọi “kép châu”, có nghĩa là đào kép đó tuy cũng tài sắc nhưng vì một lý do nào đó không được nhập biên chế gánh hát, đêm đêm họ cũng xách valyze mương phục phấn sơn đến ngồi café cóc trước rạp hay túc trực bên cánh gà, để đợi, ngộ nhờ có đào kép chính nào trực trặc không đến rạp được, thì kép châu thay thế vào ngay. “Kép châu” phải tuân thủ rất nhiều tuồng để đầu đầu chữa đó.

Đào chính chuyên đóng vai sầu thảm gọi là “đào mương”, kép chính chuyên đóng vai hung tàn gọi là “kép độc”. Có một cụm tiếng lóng xuất phát từ hai nơi, một là cải lương rạp hát, hai là quanh các tòa soạn báo

chí, đó là “café à la... ghi” tức uống café thiếu ghi số... Vào làng báo mà tiếng lóng người Sài Gòn xưa gọi “nhật trình”. Nếu thiếu tin lấy một tin cũ nhưng chưa đăng báo để đăng lấp chỗ trống, gọi là “tin kho tiêu”, các loại tin vớ vẩn dăm dòng từ quê ra tỉnh gọi là “tin chó cán xe”, tin quan trọng chạy tít lớn gọi là “tin vơ-đét” vedette, nhật từ tài liệu dài ra thành một bài gọn gọi là “luộc bài”, chấp nhiều thông số khác nguồn ra một bài gọi là “xào bài”, truyện tình cảm dăm dớ gọi là “tiểu thuyết 3 xu”, các tạp chí bình dân xoi mói đời tư gọi là “báo lá cải”. Làng nhật trình kỳ nhất là loan tin thất thiệt, lóng gọi là “tin phịa”, nhưng trong “tin phịa” còn có hai mảng chấp nhận được đó là loan tin thăm dò có chủ đích, lóng gọi là “tin ballons” tức thả quả bóng thăm dò, hay tin thí đua nói dối chỉ được xuất hiện vào đầu tháng tư, gọi là “tin Cá tháng Tư”.

Có đến bảy tiếng lóng để thay cho từ chết. Đó là “tịch”, “hai năm mươi”, “mặc chemise gỗ”, “đi auto bươn”, “về châu diêm chúa”, “đi buôn trái cây” hay “vào nhị tỳ”, “nhị tỳ” thay cho nghĩa địa và “sổ dách” thay cho sổ một... đều ảnh hưởng từ ngôn ngữ mình họa theo người Hoa nhập cư.

Thời điểm truyện và phim kiếm hiệp của Kim Dung nói chung là chuyện Tàu thịnh hành, người Sài Gòn đã chế ra nhiều tiếng lóng, như ai dài dòng gọi là “vòng vo Tam Quốc”, ai nói chuyện phi hiện thực gọi là “chuyện Tê Thiên”, tính nóng nảy gọi là “Trương Phi”. Một số tên nhân vật điển hình của Kim Dung được dùng để chỉ tính cách của một người nào đó. Tỳ như gọi ai là “nhạc Bất Quần” tức ám chỉ người nguy hiểm dữ, gọi là “Đoàn Chính Thuần” tức ám chỉ đàn ông đa tình có nhiều vợ bé... Sài Gòn là đất của dân nhập cư tứ xứ, nơi tha hương văn hóa bốn phương, nên ngôn ngữ càng thêm phong phú, trong đó tiếng lóng cũng “ăn theo” mà ra đời. Thời Mỹ đến thì một tiếng “OK Salem”, mà các trẻ bụi đời vừa chạy vừa la để xin ông Mỹ điếu thuốc. Thời gọi súng là “sén” hay “chó lửa”, dân chơi miệt vườn gọi “công mủ Bạc Liêu” còn hiểu được, Sài Gòn xuất hiện cụm từ “dân chơi cầu ba cẳng” thì thật không biết do đâu? Có lẽ cầu ba cẳng có tên Pallicao, lêu nghêu 3 cẳng cao như dáng vẻ cowboy trong các phim bắn súng, nên mới gọi “dân chơi cầu ba cẳng”? Đó cũng là lúc các tiếng lóng như “dân xà bát”, “anh chị bụi”, “main jouer” tay chơi ra đời, chạy xe đua gọi là “anh hùng xa lộ”, bị bắt gọi là “tố”, vào tù gọi là “xộ khám”. Bỏ học gọi là “cúp cua”, bỏ sở làm đi chơi gọi là “thợ lặn”, thi hỏng gọi là “băng gót”. Cũng do scandal chàng nhạc sĩ nổi tiếng kia dẫn em dâu là ca sĩ K.Ng. qua nhà Bè ăn chè, để ngoại tình trong túp lều cỏ bị bắt, từ đó “đi ăn chè” trở thành tiếng lóng về hành vi ngoại tình trốn ra ngoại ô.

Cũng có một số tiếng lóng do nói lái mà ra như “chà đồ nhôm” tức “chôm đồ nhà”, “chai hia” tức chia hai chai BIA bên bàn nhậu, nó cùng họ với “cưa đời”. Lóng thời sự loại này có “tô ba lây đi xô xích le” tức “Tây ba lô đi xe xích lô”. Trong tiếng lóng còn chất chứa ân tình. Họa sĩ chuyên vẽ mranh sơn mài đề tài lá hoa sen xuất thân xứ Ca Trù hay than “buồn như châu cấn”, hay có người than phiền vì câu né tránh trách nhiệm với hai tiếng “lu bu” để thất hứa, nay còn có người nhấn thêm “lu xu bu” nại lý do không rõ ràng để trốn việc. Để tạm kết thúc phần dẫn này, tôi muốn nhắc một số âm sắc Bắc Hà. Những âm sắc theo chân người Hà nội vào nam rồi trở thành tài sản chung của người Việt. Bắt quả tang thành “quả tố”, gọi chiếc xe Honda là “con rim”, gọi tờ giấy 100USD là “vé”, đi ăn cơm bình dân gọi là “cơm bụi”, xuống phố dạo chơi gọi là “đi bát phố”, gọi người lắm cảm là “dở hơi” ...

Lê Văn Sâm (Tren internet)

### **Mai tôi đi ...TOMORROW I'M GOING...**

Nguyên văn bài thơ bằng tiếng Anh.

Và cũng chính tác giả chuyển ngữ ra tiếng Việt với đầu đề “Mai Tôi Đi”.

### **MAI TÔI ĐI**

Mai tôi đi... Chẳng có gì quan trọng!  
Lẽ thường tình, như lá rụng công viên,  
Như hoa rơi trước gió ở bên thềm,  
Chuyện bé nhỏ giữa dòng đời động loạn...

Trên giường bệnh, Tử Thần về thấp thoáng,  
Xin miễn bàn, thăm hỏi hoặc cầu an,  
Khi xác thân thoi thóp trút hơi tàn,  
Nằm hấp hối đợi chờ giờ vĩnh biệt.



Khoảnh khắc cuối... Đâu còn gì tha thiết...  
Những tháng ngày hàn nhiệt ở trần gian.  
Dù giàu sang hay danh vọng đầy tràn,  
Cũng buông bỏ trở về cùng cát bụi...

Sẽ dứt điểm đời phù du ngắn ngủi,  
Để đi vào ranh giới của âm dương,  
Không bàng hoàng trước ngưỡng cửa biên cương,  
Bên trần tục, bên vô hình cõi lạ...

Chỉ ước nguyện tâm hồn luôn thư thả  
Với hành trang thanh nhẹ bước qua nhanh,  
Quên đằng sau những níu kéo giựt dành,  
Kết thúc cuộc lữ hành trên dương thế...

Mắt nhắm rồi... Xin đừng thương rơi lệ,  
Đừng vòng hoa, phúng điếu hoặc phân ưu,  
Đừng quay phim, chụp ảnh để dành lưu.  
Gây phiền toái, nợ thêm người còn sống...

Ngoảnh nhìn lại, đời người như giấc mộng,  
Đến trần trường và đi vẫn tay không.  
Bao trầm thăng, vui khổ đã chắt chùng,  
Nay rũ sạch... Lên bờ, thuyền đến bến...

*Nếu tưởng nhớ... Xin âm thầm cầu nguyện,  
Nên xem như giải thoát một kiếp người,  
Cứ bình tâm, thoải mái với vui tươi,  
Kẻ đi trước, người sau rồi sẽ gặp...*

#### **MAI TÔI ĐI...**

*Khoảng tháng 1/2015 có bài thơ "Mai Tôi Đi" không đề tên tác giả được phổ biến khắp nơi - Khiến nhiều người đọc sửng sò, về những lời tác giả sáng tác trong bài thơ, thấy buồn nhưng rất thanh thân!*

*Tác giả biết trước sự ra đi của mình trong nay mai nên đã sáng tác bài thơ này bằng Tiếng Anh và cũng chính tác giả đã chuyển sang Việt Ngữ, phổ biến trên Facebook.*

*Tim hiểu, thì được biết tác giả là: ông Thái Thúc Hoàng Minh, con ruột của cố đạo diễn Thái Thúc Nha (Alfa Film) trước 1975. Tạ thế 13.2.2015 tại Đà Lạt.*

*Nhà thơ Thái Thúc Hoàng Minh cũng chính là Cậu ruột của nữ ca sĩ Thanh L.*

*Trích trong F/B Tuấn Mai SG*

#### **Cười một chút cho vui đời**

Một anh chàng nợ mới mua con vẹt được một tuần nhưng ngay sau đó anh ta đành phải mang nó tới trả lại cửa hàng.

Người bán hàng hỏi:

- Sao? Nó không nói được à?

- Ồ nó có nói được.

- Vậy nó không chịu ăn uống à?

- Nó ăn uống ổn định.

- Vậy sao anh lại muốn trả lại nó?

- Tôi đã hỏi: "Này vẹt, mày có nói được tiếng Việt không?" Nhưng nó không trả lời. Tôi hỏi lại: "Mày có nói được tiếng Việt không?"

Nó vẫn không trả lời. Tôi tức quá nên quát: "Con vẹt ngu ngốc, đàn độn kia, mày có nói được tiếng Việt không hả?"

Bỗng thấy nó cất tiếng:

- Tất nhiên là có thể. Thế nhưng ông có nói được tiếng Anh không?

*Chim bồ câu... đã xa!*

Hai anh bạn xa nhau mấy năm, nay mới gặp lại. Một người xởi lời hỏi: "Mối tình của cậu với con bồ câu ngày ấy bây giờ ra sao?"

- Chim chóc gì! - Người kia xẵng giọng.

- Ủa! Cô ấy đi lấy chồng rồi à?

- Thì bây giờ cô ấy là vợ mình và hóa thành... chần tinh chứ bồ câu bồ nông gì!

## **Đằm Mình Trong Vững Tội?** (tiếp theo)

*Gm John Shelby Spong*

### **Chương 3 Cách mạng tình dục**

Nhiều sự việc lạ kỳ đang diễn ra trên thế giới, chung quanh ta. Trước hết, là thế giới của nữ-phụ, một thế giới đầy quyền-lực đang bộc-phá các khuôn-mẫu đồng điều về tuổi tác, và cũng đang đi sâu vào tất cả mọi hoạt-động của con người. Ấn Độ, Israel, Phillippines, Na-Uy và Anh quốc đều đã được nữ-giới cầm đầu, vào thế kỷ hai mươi. Vấn-đề môi-trường sống đang nhảy chồm lên trên lằn ranh biên-giới của các quốc-gia lâu nay tạo nỗi âu-lo trên toàn cầu về tầng dày *ozone* bảo-vệ bầu khí quyển giúp ta sinh sống nay đang bị đục khoét, rất sói mòn.

Một số nhà máy điện hạt-nhân trên thế-giới cũng đã và đang gặp trục-trặc, do hóa-chất *Strontum 90* tràn đồng gây ô-nhiễm; và mặt khác, hiệu-ứng thuốc diệt sâu/rầy lại cũng gây ảnh hưởng đậm sâu lên sông ngòi, ao/lạch và biển cả cùng với vấn-đề nạn-nhân-mãn đã gây chấn-động không kém, lên con người.

Khắp nơi trên thế-giới, hiện đang có các cuộc biểu tình gia-tăng kinh chống rất nhiều thứ do bởi dân lành mọi nơi đã và đang chống lại tình-trạng sự việc con người tiếp tục chạy đua vũ khí. Con người ngày nay, đang dùng đến sức mạnh quân-sự khủng khiếp nhất dưới chiêu bài "duy-trì toàn vẹn lãnh thổ" hoặc hệ-thống kinh-tế/chính-trị đặc thù nay không còn là chọn lựa sáng-suốt ở thời đại nguyên-tử nữa rồi.

Quyền-hạn của nữ-phụ, sinh-hoạt bảo-vệ môi-trường và hòa-bình thế-giới dưới tầm nhìn ban đầu, xem ra đang là bận tâm/quan ngại của 3 nhóm người hiện có tâm-trạng rất khác nhau. Tuy là thế, nhiều quan-sát-viên lại coi các vấn-đề này có liên quan với nhau thật đậm sâu.

Phong-trào "phụ nữ đòi bình-đẳng" chắc-chắn có liên-quan đến nhận-thức đang thay đổi về tình-dục, nữa. Và, thiện-tâm/thiện-ý của phân nửa nhân-loại đã chấp-nhận một định-nghĩa xuất tự những vị thuộc thế-hệ trước về tình-dục, nay đang có đổi-thay không nhỏ.

Mối quan-tâm của con người, vào vấn-đề môi trường sống lại cũng nối kết với phong-trào phụ nữ đòi bình-đẳng, như: việc ta sống trên Đất Mẹ hiền-tử; và việc mọi người kêu gọi ngừng tay chớ phá-hủy Trái Đất là Mẹ hiền, nhưng hãy kiếm tìm đường-lối hài-hòa hầu chung sống với thiên-nhiên. Vấn-đề này, cũng nối-kết sâu-sắc với sự việc con người đang gia-tăng tôn kính các nữ phụ trong đời người. Đàng khác, các phong-trào giải-trừ quân-bị, tái-tạo hòa-bình, vv cũng mang tầm kích không nhỏ như phong-trào phụ nữ đòi quyền sống vậy.

Tự thân, phong-trào đòi hòa-bình cũng nêu lên nhiều vấn-nạn về ý-nghĩa của chiến-tranh ngay từ ngày nền văn-minh nhân-loại xuất đầu lộ diện, khiến mọi người nhận ra nhiều nghi-thức mang tính dục-tình cho thấy tính oai phong/hùng-dũng của nam-nhân, đã từ lâu. Và, do bởi việc diễn-lộ nam-tính ganh đua chất-lượng, mà thế-giới do nam-nhân khống-chế đã ca-tụng đặc-trưng này suốt nhiều năm trời, Và hôm nay, nó vẫn tiếp tục đưa ra các vấn-nạn tương-tự.

Thành thử, bên dưới mặt bằng kể ở đây, ba phong-trào này đều nối kết với nhau mà trỗi vượt bằng loại hình nổi loạn chống lại hình-thái từng xuất-hiện vào thời trước. Bên dưới các dấu hiệu này, ta thấy được thách-thức lớn chống lại mẫu mã của sự việc ta tự biết con người mình, và thấy được sự đổi-thay ngay bên trong mẫu-mã mà qua đó cuộc sống lâu nay được tổ-chức thật khéo léo; và lời kêu gọi mọi người hãy trở nên khác thường trong loại-hình thế-giới đã khác-biệt. Trật-tự cũ xưa, giờ đây đang trên đà lùi vào dĩ-vãng.

Ở phần thâm sâu của đợt đổi thay này, ngay từ đầu, ta thấy được bước nhảy vọt qua việc am-tường sức mạnh quân-bình thích-đáng giữa nam-nhân và nữ-giới. Qui-luật sống có tổ-chức trong quá-khứ, đã mang quan-niệm nghiêng về nam-giới rất nhiều. Mọi qui-tắc do nam-nhân thiết-lập, đều được coi như “sự thể phải như thế”, lại đã tạo thành-kiến có tính nam-giới, sau đó lại củng-cố qui-tắc này cho thật vững chắc.

Từ mọi quan-niệm theo cách nam-nhân, lại cũng đem đến cho ta từ vua cha, cho đến thần-linh nam-giới và cả các mẫu-mã tinh-dục xuất tự nam-giới thống-trị đặt lên trên phụ-nữ nào chỉ biết mỗi chấp-nhận. Thế-giới do nam-nhân quản-cai từng kéo dài hàng ngàn năm mà chẳng thấy ai thách-đố hoặc chống-đổi, nay đưng trện trước hiểu biết mới về cuộc sống trỗi bật, từ nhiều phía.

*Fritjof Capra*, nhà vật-lý triết-học của thời hiện-tại, đang xem xét các dấu chỉ thời-đại của ta, lại đã viết: “*Giờ đây, nhân-loại đang tiến gần đến giai-đoạn cuối-cùng của thời-đại qua đó nam-giới không còn thống-trị thế-giới nữa rồi.*”

Bằng thứ ngôn-ngữ chịu ảnh-hưởng bởi bề dày tư-tưởng đạo-giáo ở Phương Đông, học-giả này biện-luận rằng cực “Dương” nam-giới đang di-chuyển về giới hạn cuối, nay rút về ẩn mình trước sự hiện-diện của cực “Âm” từng lộ dạng.

Ở thời đại mới, mặt trăng nữ-tính rọi chiếu sáng ngời không thua mặt trời đầy “Dương” cực. Nam-giới lâu nay có chiều-hướng chinh-phục và đánh bại Mẹ-hiền-Trái-đất nay phải nhường bước trước khi công-nhận chinh-phục ấy, không còn là con đường mòn dẫn đến thành công, cho bằng chinh-phục chính sự chết. Sống sót hay không, điều đó còn tùy xem dương-sự có biết cách học-hỏi sống hài-hòa với Mẹ Thiên-nhiên. Còn, việc hòa mình với thiên-nhiên, nay thay thế việc chinh-phục thế-giới tự-nhiên, của thời trước.

Não-trạng dương-tính, lâu nay vẫn tìm cách tạo kiểm-soát/khống-chế hết mọi hình-thái của sự sống, cuối cùng cũng đạt thành-tựu khoa-học qua việc tách rời hạt-nhân nguyên-tử. Với kiến-thức tương-tự, tinh-thần chủ trương dương-tính đã phát-triển loại vũ-khí tạo mọi trò chơi chiến-tranh thành vô-nghĩa và phi lý; và các nam-nhân, trai-tráng cũng đóng vai trò thống-trị của nam-giới kể từ thời chủ-trương tất cả mọi sự thuộc về nam-giới, xuất tự nam-giới, theo cách rất mới.

Theo cách vững chắc, định-nghĩa dương-tính của nam-giới nay được nhận-thức theo nghĩa là dụng-cụ giết chết rất nhiều khả-năng của nam-nhân để nhận-chân ra cảm-xúc của mình. Định nghĩa của nam-giới về nữ-tính lại đã chối bỏ nữ-tính hầu như toàn bộ sức mạnh của phụ nữ, cứu vớt tính-dục của nữ-phụ mà nam-nhân lâu nay từng khai-thác bằng nhiều cách.

Não-trạng dương-tính hầu như không tránh được hội-chứng hãi sợ sự thể về đồng tính luyến ái, bởi lẽ nam-nhân đồng tính lâu nay bị đe-dọa từ các định-nghĩa về tính dương-cực từng khống-chế hết mọi người, và nữ-nhân đồng tính lại cũng khước-từ việc bợ-đỡ phái nam chuyên khống-chế bằng cách chuyển tải đến với họ tất cả ý-nghĩa nào cần-thiết diễn tả tâm-trạng của chính mình, hoặc về những gì họ cần phải cho đi.

Cuộc điều-tra nghiên-cứu sự tồn-tại của nhân loại đã đem tất cả các định-nghĩa này đặt thành vấn-đề nghiêm-chỉnh. Nay, do nhu-cầu đổi thay đã trở thành chuyện cấp-kỳ hơn, nên bất cứ biểu tượng nào về dục-tình dựa trên các định-nghĩa này cũng sẽ bắt đầu gục ngã. Hôn-nhân từng được định-nghĩa theo dương-cực cũng đã bắt đầu thất-bại suốt thế-kỷ này kể từ khi tỷ số ly-dị đã bắt đầu tăng vọt. Các hành-xử dục-tình trước ngày cưới mang tiêu-chuẩn dương-tính nhân gấp đôi. Lâu nay mô-tả việc phụ-nữ phải kiêng ăn nằm xác thịt và các thử-nghiệm tinh-dục dành cho nam-giới phần lớn nay cũng bị bỏ quên.

Đằng khác, giả-định dương-tính cho rằng tất cả mọi người cần có hôn ước mới được ăn nằm nay đã không còn hiệu-nghiệm nữa; và từ đó, dân số người độc thân nay cứ ngày càng gia-tăng một cách thâm-thâm.

Những đường lối kết-tội các giao-hoan tình dục giữa người đồng tính luyến ái do những vị chủ trương dương-cực lập ra nay phải đối đầu với sự-kiện là con số nam-nhân và nữ-giới đồng tính luyến ái vẫn gia tăng hành-xử bày tỏ lai-lịch của họ, gia tăng lòng muốn sống trung-thực, lương-thiện và cởi mở, không sợ gì húy kỵ cả.

Tính cởi mở đây, đã buộc thể-hệ hôm nay phải đương-đầu với các thành-kiến về tình-dục nhiều hơn bao giờ hết. Sự việc gia-tăng hiểu biết và đòi hỏi này lại cũng muốn ta phải tái định nghĩa Thiên Chúa nữa. Thiên-Chúa của truyền-thống Tây phương về tư-tưởng Đạo từng coi Thiên Chúa mang phái-tính dương-cực nay trên đà quá vãng. Trên nhiều lãnh-vực khác nhau, tất cả mọi người chúng ta đều nhận thấy thay đổi này, và theo cách này hay cách khác, chúng ta cũng đã phần nào đáp trả luồng nhận-định ấy rồi.

Luồng cảm xúc tiềm-ẩn trong các đáp trả của chúng ta nay trải dài khá rộng rãi, vốn dĩ đi từ đón nhận sự hứng-khởi lúc ban đầu rồi đi đến kết án đầy kinh chống. Cả hai lối đáp trả đều cho thấy tầm quan-trọng và thực-tại của việc đổi thay này. Và sau đây, bằng nét chấm phá dài rộng hơn nữa, chúng tôi cũng sẽ đề-cập theo chi tiết các lập-trường của chúng tôi.

Trước khi sự việc đổi thay về khuôn mẫu bắt đầu thấm-nhập vào đầu chúng ta, thì cuộc sống được hiểu là Thượng Đế đặt hàng theo kiểu thượng giới. Hầu như ai trong chúng ta cũng đều có chốn miền để sinh sống, dù có đồng ý chuyện ấy hay không.

Bài giáo-lý nghe quen của Giáo hội đã bắt chộp ý-niệm này khi đem ra dạy dỗ đám người tùy-thuộc của mình để rồi bảo rằng: ta chỉ làm có mỗi việc là chu-toàn bổn phận trong trạng-thái sống như thế bởi “điều ấy làm đẹp lòng Chúa hết mọi đàng.”

Do qui-định đây Thiên-tính, vai trò của nữ-phụ trong quá khứ, thật rõ rệt. Người nữ được tạo-dựng là để làm mẹ, để con rồi nuôi nấng. Xưa nay, Bà vẫn được coi là người giữ gìn con tim, đáng bậc nuôi dạy trẻ, luôn vâng-phục chịu-lụy “đức ông chồng”. Giả như phụ-nữ nào không lập gia đình, thì người ấy bị coi là thất bại và được gọi bằng từ-ngữ kém cỏi như “mụ gái già” và thông thường thì mọi người đều thương hại các phụ nữ như thế.

Trước khi cưới, ít là theo tầng dày khuynh-loát có từ trật tự xã hội, các nữ-phụ như thế đều được mong đợi phải “ở vậy”, giữ trinh khiết. Nhằm kiến-tạo sự kiểm-soát/không chế hoặc tạo hệ-thống áp-đặt người nữ lâu nay được khai-triển để bảo-đảm sự khiết-tịnh này.

Nam-nhân tiêu-biểu nào dự-tính làm phu-quân người nữ ấy luôn trông-đợi vợ mình phải còn trinh đến ngày cưới và phải thủy chung với hôn-nhân này. Các tính tốt và thành-công theo tư-cách của người phụ nữ tùy thuộc cung cách xét-định xem chị ta có thỏa-mãn sự trông chờ như thế hay không, mà thôi.

Vai trò của nam- giới thời ấy cũng được định-vị theo cung-cách tương-tự, tức có nghĩa bảo rằng: công việc của nam- nhân thời bấy giờ là kiếm kế sinh nhai, dưỡng nuôi gia đình. Quyền-uy thế-lực đây dương-tính ở đàn ông, được định-vị theo cách nhân rộng là do hiệu-năng mà các vị từng tác-tạo ngõ hầu giúp nam-nhân thực-hiện công-tác vốn đề-bạt cho họ. Nam-nhân, là giới/phái thuộc giống-giống quý-tộc. Các ông là vua một cõi ở trong nhà, và là người đưa quyết-định xử-lý; bởi thế nên, vợ con trong nhà được trông chờ chuyên lo phục-vụ gia-trưởng hết lòng, hết trí khôn của mình.

Công việc của nam-nhân do bậc cha/bác đề-xuất, vẫn giới hạn. Thông thường thì, hầu hết các việc như thế, đều có liên-quan đến công-tác mà nói theo các nguồn sử-liệu, vẫn do nam-nhân thực-hiện ở xã-hội vốn kéo dài mãi đến thời cách-mạng kỹ-nghệ diễn ra hồi thế-kỷ thứ 19, trong khi xã hội ngoài đời vẫn theo nông-nghiệp.

Mọi người lại cứ coi đây như khúc xương trụ của nền kinh-tế. Thế nên, khi có yêu-cầu đòi hỏi kỹ-năng chuyên-biệt thì, ngay lập tức, một chương-trình huấn-nghiệp được thiết-lập cho mọi người. Điều đó có nghĩa là: cá vấn-đề này nữa, cũng mang cung-cách rất dương-thuần đặt nền-tảng trên tương-quan chủ/nô. Mọi hình-thái sống được tạo-mẫu theo hệ-cấp giá-trị kiểu cha/bác, có trên/có dưới rất đề-huê.

Ngay chuyện học-hành trường/lớp chính-thức, lâu nay được thể-hiện cho quảng-đại quần-chúng, mang dấu ấn rất “dương-cực”, tức: dùng bậc cha/bác làm tiêu-chuẩn để noi gương. Các hiệu-trưởng trường khi xưa

mang phong-cách của bậc cha/bác theo dạng-thức thay cho bậc cha/ông trong nhà, tức: đáng bậc luôn có quyền tối-hậu ở nhà trường.

Kỷ-luật ở trường khi ấy rất nghiêm-túc. Có lúc, bao gồm cả việc đánh/đập bằng roi/vọt hoặc trừng-trị thân xác nữa, tức: một thứ trật-tự có từ thời xưa cổ. Còn, giáo-án giảng dạy ở trường vẫn không khác trước; tức: vẫn tùy vào khuôn-thước của giới-tính do thời-thể định-đoạt. Trai tráng trong làng được học hành tử-tế, hết mọi bộ môn như: khoa-học, triết-học. Riêng bậc nữ-lưu chỉ được học môn nào nhẹ và dễ, như: âm-nhạc, thi-ca, hoặc nghệ-thuật tạo-hình, mà thôi.

Là nữ-nhi, các em chỉ được học-hành ở mức tối thiểu, tức tùy nhu-cầu đích-thực, thôi. Các trường trung-học tư-thực hoặc công-lập, ngay từ đầu, vẫn dành riêng cho một số rất ít nam-nhi có đặc-ân, đặc-sủng được hưởng lợi lộc, thể thôi.

Cuối cùng thì, khi ngành-nghề giáo-viên trường/lớp được nới rộng cho phụ-nữ (về lương/tiền trả cho cô-giáo bao giờ cũng kém thua bậc thầy, nên không mấy hấp dẫn), và trường/lớp sư-phạm lại được mở ra cho cả thầy/cô được điều-nghiên thiết-kế kể từ lúc ấy.

Nhiều lần, sự việc này lại nảy sinh ở các trường dành cho nữ-giới, mà thôi. Còn các trường hỗn-hợp nam/nữ lớn/bé, vẫn là chuyện chưa ai dám tưởng tượng, vào thời đó. Trên nguyên-tắc, nam-nhân và nữ-giới được hiểu là loại người khác nhau đủ mọi bề, kể cả bản-chất, rất đặc trưng. Thế nên, không có dấu vết sử-liệu nào để lại cho thấy là có hay không có, chương-trình giảng dạy được điều-nghiên thỏa-đáng cho hai phái tính.

Cơ sở giáo-dục dành cho nữ-giới học lên cao, ban đầu gọi là “Trường trung-học dành cho thầy/cô” đã nghiêm-túc định-vị việc bảo-trì giá-trị cũng như tầm tiếng của học-viên qua qui-chế và luật-lệ cũng rất nặng. Khối hành-chánh, khoa bảng vẫn tự coi mình như tiếng La-tinh gọi là *“in loco parentis”*, tức: ‘dưỡng-dục tại chỗ’ cho con em phụ huynh.

Thời xa xưa, không ai dám coi hôn-nhân như tương-quan quyền-thế giữa các khanh-tướng, ít xuất-hiện. Là vợ hiền, được mọi người lúc ấy đánh-giá không hơn “chị vú” ở cấp cao, chỉ lo mỗi chuyện dọn giường/đệm chiếu, có hoa hồng hảnh hoi. Các chị, không được trông mong trở-thành người được phép tham-gia ý-kiến với “đức ông chồng” của mình trong bất cứ cuộc chuyện trò nào đáng kể. Là vợ hiền, còn có nghĩa: không được phép tỏ bày lập-trường chính-trị, hoặc quan-điểm lịch-sử hoặc doanh-thương đích-đáng bao giờ hết. Bởi, những việc như thế bao giờ cũng tùy thuộc lãnh-vực của nam-nhân.

Cuộc sống con người, được hiểu là chỉ duy nhất hoạt-động theo cách như thế, kể từ khi Hiến Pháp nước Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ viết lên thành sử-liệu. Công-dân nước này, nếu được phép lập phe/nhóm đảng/phái chính-trị, thì chắc chắn chỉ có chủ-đất mới là người có quyền được thế, bởi ai cũng hiểu là: vị nào có vai vế tương tự như thế, phải là nam-nhân mới được. Và, nhiều tiểu-bang ở Hoa Kỳ, nữ-giới không được quyền làm chủ đất, bao giờ hết.

Phụ nữ, nô-lệ, trẻ con và/hoặc người thuê đất nghèo hèn, không được góp vốn/chung tiền làm chủ đất hoặc sẽ san quốc gia mình đang sống. Và, trật tự cuộc sống đây, lâu nay vẫn được “bên trên” bảo cho biết, là: điều đó do Thiên-Chúa tạo-tác và cho phép hiện-hữu khi Ngài tạo-dựng vũ-trụ. Thành thử, chẳng ai dám lên tiếng cãi tranh về chuyện này.

Giả như ai đó có gan làm loạn chống lại những gì được đặt ra, thì theo lẽ tự-nhiên, người ấy được hiểu là đã đứng lên chống lại Thiên-Chúa-Cha. Tựa hồ câu tuyên-xưng ở các buổi phụng-vụ, xưa nay vẫn phán:

*“Như đã có từ trước vô cùng,  
và bây giờ và hằng có đời đời chẳng cùng. Amen.”*

lại là thành-phần ngôn-ngữ có bậc trên/dưới như quân-đội. Mọi việc nhằm thay đổi trật-tự xã-hội, đều bị phán-bác/khước từ, ngay lập tức.

Năm 1873, tại tiểu bang Illinois Hoa Kỳ, có nữ-phụ nọ tên là *Myra Bradford* từng muốn hành nghề luật-pháp, dù đã thông qua mọi xét-nghiệm đề ra nhưng trên thực-tế, chị vẫn bị cấm tuyệt đối không được hành-nghề

như nam-giới; bởi, muốn được thế, tiểu-bang chị sinh sống, phải lập văn-bằng chính-thức, tức một sự-kiện chưa bao giờ xảy đến. Thấy thế, chị bèn đệ đơn kiện lên cấp trên. Sự việc được trao cho Tòa Án Tối Cao tại đó giải-quyết, bằng số phiếu 8 chống 1, đơn thỉnh-nguyện của chị đã bị Tòa trên bác bỏ, khước-từ.

Thẩm-phán *Joseph Bradley* có viết lên ý-kiến của đại đa số quần chúng, những bảo rằng:

*“Tính nhút nhát và tẻ-nhị của phụ-nữ, rõ ràng không thích-đáng với các ngành/nghề thuộc đời sống dân sự. Hiến-pháp của cơ-quan gia-đình được thiết-lập theo lệnh-truyền thánh-thiêng cũng như bản chất sự việc cho thấy khuôn khổ nội-trợ thỏa-đáng vẫn là lãnh-vực và vai-trò thuộc nữ-giới. Số mệnh và sứ vụ tổng-quan của nữ-giới cốt hoàn-thành vai-trò có dáng dấp quý-tộc và nho nhỏ của vợ hiền và người mẹ.” (\*3)*

Não trạng ấy, nay chắc chắn phải đổi thay. Ngày nay, tại tiểu bang Illinois, Hoa kỳ, nữ-giới không chỉ được phép hành-nghề luật-pháp mà thôi, nhưng nhiều bậc nữ-lưu còn được phép trể trệ ngồi ghế trên, có quyền xét-xử ở Tòa Án Tối Cao của Hợp Chúng Quốc Hoa kỳ. Xem như thế, rõ ràng là các quyết định ban hành từ năm 1873 trở đi đều trở-thành vô hiệu lực.

*“Qui định thần thánh” mà Thẩm phán Bradley lâu nay dựa vào, xem ra không còn mang tính-chất thánh thiêng hoặc vĩnh-cửu được nữa.”*

Bằng việc kiếm tìm sao cho có lợi lộc và quyền-thế, nữ-giới đã bắt đầu đấu-tranh đòi quyền bầu phiếu, ngay khi Hiến Chương được thi-hành. Tiếp theo đó, sau cuộc Nội Chiến ở Hoa Kỳ, quyền bầu cử lại cũng được nới rộng cho đám da màu bằng vào tu-chính Hiến pháp thứ 15 vào năm 1870. Điều này lại đẩy lên phong trào phụ-nữ đòi được quyền bầu cử vào lúc ấy; thế nên, họ bèn biện-luận rằng: tương tự đám người nô-lệ thời trước, nữ-giới không còn bị coi là những kẻ thiếu học hoặc không được quyền sở-hữu đất đai, nữa.

Giới-chức nắm vững mọi quyền-hạn ban đầu chỉ cười khẩy; nhưng sau đó, họ lại nổi nóng phản đối dữ dội, nhưng sự việc cũng chẳng đi tới đâu hết.

Phong-trào phụ-nữ đòi quyền bầu cử cứ thế lớn mạnh. Và khi ấy, chợt thấy đám phụ nữ độc-lập đã bắt đầu tuyên-thệ theo cách chuyên nghiệp, như: nhà giáo, y tá, thư-ký và những người này cứ tiếp tục tăng cao trong hệ-thống kinh-tế đất nước.

Cuối cùng, vào năm 1920, Tu-chính Hiến-pháp thứ 19 được chỉnh sửa, từ đó tạo cho nữ-giới được quyền đi bầu, là thành-phần cốt-thiết theo tư-cách công-dân. 12 năm sau, một nữ-phụ mang tên *Frances Perkins* được tổng thống tân-cử bổ làm trưởng sở trong nội-các của ông. Và, khoảng 63 năm sau, một nữ phụ khác cũng được chỉ-định làm phó tổng thống Hợp Chúng Quốc Hoa kỳ do một trong hai đảng chính-trị quan-trọng của nước này tạo nên.

Khi ấy, toàn bộ chính-trường đất nước này, đã mở rộng cho phụ nữ tham-gia, dù sự việc này còn mù mờ và ngay việc vận-động ngầm ở trong đó, cũng chưa ngã ngũ. Cấu-trúc phụ-hệ từng khổng-chế chính-trường vốn chỉ có một số thách-thức nhỏ, đã bắt đầu phai nhạt dần. Kịp đến khi trật tự thời quá-khứ tan-tành sụp-đổ, thì vai-trò chủ-lực của nam-nhân và nữ-giới qua đó mọi trật-tự được dựng-xây, không còn chống cự được nữa. Bởi thế nên, các đổi thay cứ thế sói mòn vai-trò của giới-tính theo truyền-thống, thay cho cán cân quyền-lực giữa phái-tính đã kéo theo cuộc cách mạng giới tính hồi thế kỷ thứ 20.

Kịp đến khi cách-mạng này bắt đầu chặt/bỏ mọi khuôn-mẫu đạo-đức theo dương-tính, thì ngay lập tức thấy có tiếng kêu than đòi chỉnh sửa những sai-lạc. Vòng cung bao bọc quyền-thế nam-tính, đặc biệt là các vòng quyền-bính trong đạo giáo, lại cứ khẳng khẳng bảo rằng: hành-vi luân-lý/đạo đức đang còn tồn-tại sẽ không bị đổi thay chút nào hết.

Tựa hồ Mười Điều Răn Đức Chúa Trời khi xưa khắc chạm trên bia đá vẫn liên-tục tồn-tại chẳng thay đổi, Lề-luật Chúa ban-hành, đã trở-thành phổ-cập và càng ổn-định hơn “Luật của người *Medes và Ba-Tu*” nữa. Các chuyện hoang-đường về đạo luôn mô-tả tính thánh thiêng thần-thoại xuống thành qui-luật giúp những người ký giao-ước đồng ý sống thuận-thảo, hết như thế. Và, các luật ấy được đầu-tư bằng phẩm-giá bộc-lộ ý-định thánh thiêng của Đức Chúa (\*4).

Thế nhưng, mọi thay-đổi cứ tiếp tục coi thường mọi cụ-tuyệt, ràng buộc và kháng-án lên trật-tự thánh-thiên. Có cái gì đó đang trôi lên, mà không ai có khả-năng khiến nó khựng lại được hết. Các qui-định về luân-lý/đạo-đức sửa trị hành-vi dục-tình ngày hôm nay đang được viết lại, cả trong thực tế lẫn ở pháp luật, mà xem ra, nó không bị ảnh-hưởng gì do các tiếng giọng tìm cách chất-chứa, kiểm-soát hoặc lên án nó.

Mới đây, có giám đốc chủng-viện nọ lại đã viết rằng: bất cứ toan tính nào tìm cách tái suy-tư luân thường/đạo-đức, hoặc muốn đổi thay tính cha/bác của Thiên-Chúa, hoặc từ bỏ ý-nghĩ độc-quyền cho rằng: một nhóm nhỏ sở-hữu duy chỉ một sự thật, phải được “đổi đầu ở mọi lãnh vực” (\*5)

Quan-niệm này cũng hoàn-toàn bất-lực như nhân-vật *Don Quixote* từng chiến-đấu địch-thù tưởng-tượng. Thế giới, với giá-trị và định-nghĩa của riêng nó, đang làm thay-đổi không phải vì chúng dân đang trở-thành vô-luân, nhưng vì hiểu biết của con người về cuộc sống nay đang đổi thay. Dùng ngôn-từ của ca-vịnh đặt hồi thế kỷ thứ 19, thì “*Vận-hội mới dạy ta bổn-phận mới, thời-gian làm cho những điều xưa kia coi là tốt đẹp, nay ta thấy nó kỳ kỳ.*” (\*6)

Con người khó có thể trông chờ mọi khuôn-mẫu dục tình phải đổi thay mà không cần đạt thay đổi về hành-xử tình dục. Với nhận-thức mới về sự thật nổi bật từ các điều-tra/nghiên-cứu khoa-học và hiểu-biết thấu-đáo có từ các quan-điểm lịch-sử đang diễn-tiến đổi thay, các hành-xử dục-tình được hướng về thể-trạng tràn đồng, rộng rãi.

Dĩ nhiên, khuôn đạo-đức xưa không có được cung-cách kêu mời ta tái khẳng-định đường lối suy-tư về “đạo-đức truyền thống” theo cách nó khiến ta ra như thế. Tỉ như, hôn nhân xưa chẳng bao giờ yêu-cầu hợp-thức-hóa rộng rãi các sinh-hoạt dục-tình dù ngay trong xã-hội phương Tây cũng không thấy những chuyện như thế.

Ở một số quốc-gia bên trời Tây, nhiều phụ-nữ già-dạn, có kinh nghiệm nhiều về tình dục cho rằng: việc trai tráng ở tuổi sau dậy-thì nên hiểu/biết bí-nhiệm của hành-động làm tình. Điều này có lẽ cũng giúp cho người con trai trở-thành tình-nhân tử tế, hữu-hiệu với cô dâu còn khiết-tịnh.

Theo đường-lối ít cấu-trúc, đám nam-nhân chẳng cần phải chờ đến lúc lập gia đình xong rồi mới được phép ăn nằm xác thịt. Đám gái điếm, nô tỳ, phụ-nữ thuộc giai-cấp thấp hèn và đàn bà sắc tộc bị chèn ép, vẫn thường bị đám dân chơi hoặc đàn ông trẻ-trung, lỗi lạc dùng làm đồ chơi giải trí. Chỉ đàn bà và một số phụ nữ không giống thế, mới được bảo là phải “giữ mình trinh-tiết để còn lo chuyện cưới hỏi”. Và thực sự mà nói, hôn-nhân xưa vẫn định-nghĩa là: sinh-hoạt tình-dục của người vợ, là cốt để cho người chồng hưởng thụ, chứ không phải chuyện ngược lại.

Thời xưa, mục-tiêu chính của hôn-nhân được nhắm vào yếu-tố kinh-tế nhiều hơn luân lý/đạo-đức. Phụ nữ được dạy phải sinh con để cái cho nhiều hầu kế-thừa tài-sản cũng như phúc-lợi từ nam-giới. Trong số những người thuộc giai-cấp trên, tức: những vị ban-hành luật lệ cho người khác tuân-giữ, thì trinh-tiết của cô dâu và đặc-tính đáng tin cậy của nữ-giới có gia đình, là bảo-đảm cho đàn ông/con trai được sở-hữu hầu họ có thể trao thân gửi phận và gia-tài của chính họ.

Có câu truyện cười nọ kể rằng: sự khác-biệt duy-nhất giữa kiến-thức và niềm tin còn tùy vào lúc sinh con, khi đó người mẹ mới nắm chắc đứa con vừa lọt lòng, đích-thị là con đẻ của mình, trong khi đó người đàn ông chỉ mỗi tin. Và, một cách duy nhất khiến niềm tin có thể thay đổi thành thứ kiến-thức không cần bàn cãi đối với đàn ông, là: qua các cấm kỵ đạo đức cực mạnh không cho phép người nữ được hưởng lạc nếu không làm đám cưới và bên ngoài xã-hội, hầu ngăn ngừa người vợ có cơ tỏ ra hờ-hênh, vô ý. Tôn-giáo, văn-hóa, chính-trị và kinh-tế là các đơn-vị đưa ra các cấm kỵ ấy.

Chính vì lý do đó, mà hôn-nhân không bao giờ đòi hỏi hoặc bị áp-đặt từ phía Giáo-hội cả với giai cấp thấp hèn hơn, mãi đến thời kỳ rất trễ trong lịch sử. Là nông-gia, những người này chẳng bao giờ có tài sản để bảo-quản; thành thử, họ chẳng khi nào có nhu-cầu to lớn buộc họ phải tổ-chức lễ hôn-phối hầu củng-cố các cấm-kỵ đối với người vợ.

Ở Anh quốc, hồi thế kỷ thứ 17 chẳng hạn, phần lớn các cặp phối-ngẫu đem con đi rửa tội được đưa vào danh-bạ tương-tự như luật đòi ấn-định. Vốn không làm lợi cho hàng giáo-sĩ, nam-nhân và nữ-phụ thuộc giai-cấp thấp, chỉ biết làm có mỗi việc là cứ bắt đầu chung sống với nhau rồi cũng xong. Giáo hội, ít ra là

Giáo hội Anh quốc, đã tham-gia khuôn-thước tương-tự như thế từ nhiều thế-kỷ nay. Thời cổ, thế-giới chẳng quan-tâm gì chuyện đạo-đức tính-dục như các nhà luân lý ngày nay từng suy-tưởng.

Tuy thế, đã có lúc qui-định hôn-nhân một vợ/một chồng cũng có uy và được coi là tốt đẹp và phải lẽ, và luật ấy được sử-dụng để tạo thế quân-bình cho đời sống cũng như để thánh-hóa các gia đình. Lợi lộc ban đầu ở hệ-thống ấy được đồng-thuận cho phép mọi người coi đó như cách diễn-tả ý Chúa, một dấu-hiệu bảo đảm giòng giống tốt; và ngay chuyện coi đó như hành-xử duy-nhất được coi là có luân-lý, đạo-đức.

Ngược lại, dù không chống lại điều đó, lực đổi-thay sẽ mãi mãi tạo cho thể-chế hôn-nhân có cơ hiện-hữu. Một yếu-tố vô-cảm tạo đổi-thay, vẫn cứ tiến triển nhưng chắc chắn sẽ xuống cấp ngay vào tuổi trung-bình thoát từ lúc bắt đầu “dậy thì”.

Thế-kỷ 17 và 18, thật không là chuyện bất-thường đối với các cô gái trẻ khởi sự có kinh-nguyệt vào những tháng cuối ở tuổi 16 và 17. Qua kiêng cử và chăm sóc sức khỏe, tuổi dậy thì ở con trai và cả con gái lâu nay giảm xuống ở mức độ 6 tháng cứ mỗi chu kỳ 50 năm hoặc trăm năm (\*7).

Tuổi trẻ hôm nay, về tình-dục, trở nên chín-chắn sớm hơn thế hệ ông/bà nội/ngoại. Xã hội hôm nay, phần lớn các cô gái trẻ đã khởi sự thấy kinh vào những tháng ngày cuối tuổi 12 và 13, trong đời.

Giả như không có thay đổi nào khác, thì đổi-thay nói ở đây cũng kéo dài ở tuổi dậy thì và hôn-nhân, trừ phi độ tuổi kết-hôn giảm sút tùy theo đó. Trên thực tế, mọi người thấy hoàn toàn khác hẳn. Trong khi lực thiên-nhiên làm suy giảm tuổi “dậy thì”, các lực-lượng văn-hóa lại đòi đổi tuổi hôn-phối, phần lớn là do phụ-nữ thời nay có cơ hội gia-tăng thời-gian đòi-hỏi để kết-thúc nền giáo-dục và đòi mọi người học cao và đạt cấp-độ thành-thạo cao hơn cho cả nam lẫn nữ.

Thân-mẫu tôi sinh năm 1907, đã bị ông ngoại tôi buộc phải ngưng học ở trường sáu tuần ngay trước khi vào lớp 9. Ông tin rằng, dạy đám con gái nhiều cho lắm chỉ là chuyện mất thì giờ vô lối, thôi. Thế hệ mẹ tôi khi ấy, phụ nữ học đến trung-học thật rất hiếm. Mấy đứa con tôi, tuần tự sinh năm 1955, 1958 và 1959, đều là thành-phần thế-hệ trong đó giới nữ đến trường hầu như ngang bằng đám đàn ông/con trai. Các cháu sau này, mỗi đứa đều lên đại-học tiếp tục học chung nam/nữ đến cả thập-niên.

Ngày nay, khi tuổi dậy thì được tách rời khỏi hôn-nhân chừng mười tuổi hoặc hơn nữa, phải chăng các qui-định văn-hóa và đạo-đức tiếp tục phán bảo: ta chỉ có thể hành-lạc hưởng dục cho đúng khi đã đi vào hôn phối mà thôi không? Nếu thế thì, việc này đặt qui-định đạo-đức vào cuộc xung-đột với thực-tại sinh-lý. Luật luân-lý phải kết-hiệp hài-hòa với thiên-nhiên. Với tư-cách xã-hội, phải chăng ta đã ngưng không còn cân-nhắc các ảnh-hưởng do nền đạo-đức của các đổi thay này gây lên chẳng?

Còn một yếu-tố khác về đổi-thay tình-dục có ảnh-hưởng lên khía-cạnh luân-lý/đạo-đức nữa, là: các thành-tựu kỹ-thuật đã tạo ảnh hưởng lên trên phương-pháp kiểm-soát sinh đẻ đáng tin cậy. Trong quá khứ việc sợ-hãi mang thai đã từng tạo căng thẳng lên sinh-hoạt hưởng-lạc dục-tình ngoài hôn-phối. Ước ao hạn-chế và kiểm soát sinh-đẻ có tuổi đời cũng xưa cũ như sự vô ý và cảm dố.

Sự việc nam-nhân cho tinh-trùng rơi rớt ra bên ngoài trước khi đạt khoái-cảm từng được Sách Sáng Thế mô tả kỹ trong truyện kể Onan (X. Sách Khởi nguyên chương 38). Với người xưa, thời kỳ “an toàn” và “màu mỡ” đều được chú ý cách đặc-biệt. Thuốc uống cùng các phương tiện ngừa thai đều được lưu tâm chế-tạo, nhưng nhìn chung, tất cả đều không hữu-hiệu. Nỗi lo sợ phải mang thai đã khiến phụ-nữ giữ tiết-hạnh. Nỗi lo sợ ấy, xưa nay vẫn được các nền văn-hóa hùng-mạnh ở khắp nơi hỗ-trợ lên án thái-độ của người nữ ngoại-tình sinh con không giá thú. Tác-giả *Nathaniel Hawthorne* đã khai-thác tình-trạng xúc-động cao độ khi lên án động-thái này trong cuốn *The Scarlet Letter (Cánh Thư Scarlet)* viết vào năm 1850.

Nỗi hãi-sợ thụ thai tương-tự như thế cũng được sử-dụng để khuyến-khích nhiều người có người tình, coi đó như lối thoát dành cho nam-giới. Phụ-nữ nào từng có năm hoặc sáu đứa con có thể sẽ cảm thấy nhẹ nhõm hơn khi bị phản-bội khi người chồng mình thích thú tìm tình duyên mới khá lãng-mạn.

Cuối cùng thì, tại nhiều nước, vai-trò của nữ tình-nhân cũng được hợp-thức-hóa và thôi không còn là mối bận-tâm lo lắng về luân lý của người dân nữa. Đành rằng, người nữ nói ở đây rất thận-trọng về vấn đề dục



tình và chẳng khi nào có cơ hội đưa người tình của mình đến chỗ riêng tư mà cộng-đồng chúng dân ngấm ngấm thỏa-thuận.

Thế nhưng, kế-hoạch kiểm-soát sinh-đẻ thế kỷ thứ 20, điều mà *Madonna Kolbenschttag* gọi đó là “Nhà Giải-phóng phụ nữ rất lỗi-lạc” (\*8) đã mau chóng kết-thúc uy-lực của dục-tình.

Do có kết quả bình-đẳng giữa hai phái tính, thì những gì áp-dụng cho riêng một người lại cũng có thể áp-dụng cho nhiều người khác nữa. Tất cả các dụng-đích do xã-hội dương-tính lập ra để bảo-vệ và kiểm soát phái nữ, trong cùng lúc cũng thích-nghi với ước ao của nam-giới có thêm nhiều hành-lạc thể xác, đã trở thành vấn đề thật sự.

Nay thì, các nhân-vật gọi là “nữ tình-nhân” không còn cần thiết đối với đàn ông/nam-nhi nữa, việc ấy là nhờ chiêu-bài tạo cho nam-nhân ngộ thoát tình dục mà không gây nguy hiểm cho người vợ phải thụ thai. Đàn ông hôm nay, đúng là có khả-năng tỏ ra trung-thành với vợ nhà đồng thời tạo khoái-cảm cả hai mà chẳng mang nỗi hãi sợ tựa như thế.

Việc triển-khai kế-hoạch kiểm-soát sinh/đẻ một cách hữu-hiệu cũng có thể trở-thành phương-tiện duy-trì chính-sách một vợ/một chồng một cách có hiệu-quả; đồng thời lại coi đó như khuôn-mẫu cho hành-xử dục-tình tốt đẹp trên lý-thuyết. Thế nhưng, nam-nhân nào có khuynh-hướng nghiêng về dục-tình và ít ngả về các quyết tâm như thế, nay cũng giảm sút hầu cho phép thành-tựu kỹ-thuật này giới-hạn hành-xử của họ, theo cách này hay cách khác.

Trong khi đó, nữ-lưu dù bị giam giữ nhiều thế-kỷ trong hệ-thống quyền-lực do nam-nhân thống-lĩnh cũng khám phá ra tự-do tình-dục và cùng lúc cả sự bình-đẳng chính-trị cũng như xã-hội. Cách-mạng dục-tình cứ thế tiến về phía trước. Mọi sức mạnh đối thay nay tăng nhanh nhịp độ qui-tụ mọi người và cơn thủy-triều tình-dục không thể trở đầu lại được nữa.

Nhiều sự việc lại đã xảy ra cùng một lúc, như: phụ nữ được quyền đi bầu hoặc có cơ-hội học cao lên nữa, vẫn gia-tăng. Mặt khác, các trường chuyên-nghiệp nam/nữ lại cũng bãi bỏ việc giám-thị có quyền hành-xử tự phát; việc gia-tăng nhu-cầu xây-cất căn hộ cho gia-đình có ít con hoặc cho người độc thân không muốn có gia-đình, bởi lẽ làm như thế bậc cha mẹ có thể dòm ngó, quản cai đời sống của họ.

Yếu-tố xã-hội, cộng thêm hệ-thống chuyên-chở ngày một khá hơn và tình-trạng giấu kín tên tuổi người hành xử cùng sự-kiện phụ-nữ tham-gia lao-động và/hoặc hiện-tượng cho phép người nữ có vai vế, chức vụ cao trong guồng máy xã-hội hợp với các thành-tựu trong biện-pháp kiểm-soát sinh-đẻ đã thay đổi hình-thái lịch-sử cũng rất nhiều.

Những thứ ấy, từng là sức mạnh bẻ gãy hệ-thống nam-nhân thống-lĩnh quyền-hành ở xã-hội và các sự việc khác nói lên lý do tại sao qui-định đạo-đức của thời đại trước không còn tồn-tại lâu dài nữa.

Dĩ nhiên, các nhà luân-lý/đạo-đức có lời ăn/tiếng nói công-khai ngoài xã-hội lại đã gióng lên nhiều quan-ngại. Thế-giới mà họ am-tường và yêu quý, tức xã-hội từng phục-vụ họ hết mình, đã và đang chết dần chết mòn. Thời của nam-nhân khuynh-loát mọi thể-hệ đang trên đường quá vãng.

Một khi các hệ-thống xã-hội thuộc thời quá-khứ rày mai một, và khi các cấm kỵ của thời đã qua nay thất-bại, thì cũng dễ hiểu là tình-trạng hỗn loạn về đạo-đức và cả đến tình-trạng điên-loạn ngoài xã-hội rồi cũng theo sau. Các khoản phụ trội tiếp theo sau thời đổi-thay cách-mạng đôi lúc cũng đủ để thuyết-phục được nhiều người và thời-đại ấy đã trở tới.

Tuy nhiên, vào thời ấy, lại cũng thấy nhiều đạo luật và đường-lối chỉ-đạo cốt để con người tự kèm-chế thu gom các giá-trị tân-tạo có khả-năng khiến cho chúng nở rộ và hoạt-động lâu dài cho tương lai.

Điều đó, chắc chắn đang diễn ra ở đây, hôm nay. Trong cả hai cung vòng đạo-giáo và ngoài đời, bài bản mà nhiều người học hỏi về hành-xử dục-tình bừa-bãi vẫn là những gây hại cả về tinh-thần lẫn cảm-xúc cũng như thể lý; như thế có nghĩa là: không một gặp gỡ nào về thể xác lại có thể trở thành tạm bợ mà không tạo hậu quả. Toàn-bộ trật-tự xã-hội lại đã rút lui không còn có những thể-nghiệm dục-tính vốn dĩ trở thành việc tầm thường nơi độ cao cách mạng.

Tuy nhiên, một trong các khả-năng quay trở về với khuôn mẫu dự-tình của thời đã qua, không còn mở ra cho ta nữa. Từ đó, có lẽ sẽ không còn việc quay trở lại với các giá-trị và đặc-trưng của thời hoàng-kim dương-tính trong đó phần đông mọi người định-nghĩa là qui-luật đạo-đức đầy “truyền-thống” từng được triển khai lâu dài. Thêm vào đó, ta lại sẽ chứng-kiến sự kiện khu-vực xám ấy sẽ phát-triển và mở rộng do sự chung chạ bừa bãi, và/hoặc do bởi qui-định chỉ được ăn nằm xác thịt nếu cưới hỏi đàng hoàng.

Nhiều người sẽ sống trong khuôn khổ hạn-chế, thứ khuôn-khổ đặc-trưng không kiên-định có quyết tâm khác nhau và các loại hình chung chạ xác thịt tự riêng nào khác. Cũng trong phạm-vị màu xám ấy, lại sẽ thấy nhiều đặc trưng mới mẻ cần tạo ra.

Những gì mà cả nam-nhân lẫn nữ-phụ đi vào ràng buộc hôm nay chính là cuộc chiến quyết tái định-vị chính họ trong một thời-đại mới, có kiến-thức và tư-tưởng mới. Lời kêu gọi Giáo-hội tra thân vào thời đại này là lời mời gọi Giáo hội hãy hiện-diện với người của Giáo hội đi vào trung-tâm cuộc sống xám xịt đang phát-triển rộng rãi, hầu giúp đỡ con người tìm kiếm khuôn mẫu hành-xử khả dĩ nâng cao cuộc sống của mọi người.

Thời đã đến với Giáo hội, nếu các ngài muốn tạo được bất cứ tín-nhiệm nào làm thể-chế thích-đáng để xem xét các vấn-đề của người sống độc-thân, của những người đã từng ly dị, những người đã lập gia-đình rồi và những người đồng tính nam nữa từ một tầm nhìn cởi bỏ khuôn mẫu cha/chú của thời đã qua, và giúp những người này tìm ra con lộ tẻ khả dĩ dẫn đưa họ đi vào cuộc sống khẳng định sự lành thánh riêng tây. Thật cũng quá đủ để ta suy về các quà tặng như thế có thể đang chờ tới từ Giáo hội chẳng? Tôi không nghĩ sự việc lại như thế.

*Chú thích*

---

1. Fritjof Capra, *The Turning Point* (New York: Simon & Schuster, 1982), tr. 35-39.
2. The Episcopal Church, *The Book of Common Prayer* (Greenwich, Conn.: Seabury Press, 1928), tr. 580.
3. *Supreme Court case of Bradford vs the State of Illinois, 1873.*
4. John S. Spong and Denise G. Haines, *Beyond Moralism* (San Francisco: Harper & Row, 1986).
5. John H. Rodgers, “The Seed and the Harvest,” *Trinity School for Ministry 3, no. 6 (July 1987)*
6. James Russell Lowell, “*Once to Every Man and Nation,*” 1845. Cũng nên ghi nhớ ở đây rằng Giáo hội Épiscopan không sử-dụng bài ca vịnh này trong tập vịnh ca đã duyệt xét và đưa ra hồi 1982. Cả đến tự-vưng dự-tình cũng không được dùng đến, nhưng ban hiệu-đính lại cũng không tin rằng thời-khắc thánh-thiên để chọn-lựa cũng chỉ đến “một lần là tất cả cho mọi người và mọi dân-tộc”.
7. Janice Delany, Emily Toth và Mary Jane Lupton, *The Curse: A Cultural History of Menstruation* (New York: Dutton, 1976)
8. Madonna Kolbenschlag, *Kiss Sleeping Beauty Good-Bye* (San Francisco: Harper & Row, 1988)

## MỤC LỤC

<b>Một Chút Hiện Sinh</b> Nguyễn Duy Vũ.....	<b>1</b>
<b>HÃY CHO CHÚA TẤT CẢ!</b> LM Giuse Mai Văn Thịnh DCCT.....	<b>7</b>
<b>LỄ THÁNH AN- PHONG CHI HỘI SYDNEY 2021</b> .....	<b>9</b>
<b>Giọng cũ xa gần</b> Dân Gày.....	<b>12</b>
<b>CHA GIUSE TRẦN NGỌC THAO DƯỚI MẮT TÔI</b> LM Phêrô Nguyễn Văn Khải DCCT.....	<b>17</b>
<b>Đảm Minh Trong Vững Tội?</b> Gm John Shelby Spong.....	<b>26</b>